

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



An Giang, ngày 09 tháng 04 năm 2021



Một góc rừng trà Trà Sư

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN SAO MAI

Lời đầu tiên thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai, tôi xin gửi lời chào, lời tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt chặng đường vừa qua.

Kính thưa Quý cổ đông! Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với hầu hết các nền kinh tế trên Thế giới. Đại dịch Covid-19 đã làm cho những siêu cường kinh tế như Mỹ, Châu Âu chính thức suy giảm, nền kinh tế lớn thứ 2 Thế giới như Trung Quốc cũng phải điều chỉnh mới thoát khỏi một năm suy thoái. Đại dịch đã nhanh chóng lan rộng, chỉ trong vòng 1 năm cả Thế giới đã có hơn 100 triệu ca nhiễm và hơn 2 triệu người tử vong, làm cho việc lưu thông hàng hóa bị ngưng trệ, xuất nhập khẩu bị ách tắc, sức tiêu dùng suy yếu nghiêm trọng. Nhiều doanh nghiệp có sức chịu đựng kém phải cắt giảm lao động, giảm giờ làm hoặc buộc phải dừng hoạt động và cũng không ít doanh nghiệp đã phá sản.

Trước vô vàn khó khăn và thử thách như vậy, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng hơn 12.000 CB-CNV của Tập đoàn đã sát cánh cùng nhau phòng chống dịch, thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp - đầu tư - sản xuất theo hướng an toàn, hiệu quả. Sau một thời gian củng cố nội lực, chúng ta đã duy trì được sản xuất kinh doanh, ổn định được nhân sự và đặc biệt là kết nạp thêm hàng trăm thành viên mới với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc tốt về với Đại gia đình của Tập đoàn Sao Mai. Bên cạnh đó, trong lúc khó khăn như vậy nhưng chúng ta đã có đủ nguồn lực để nhanh chóng chớp thời cơ và mua được nhiều tài sản có giá trị rất cao với “giá hời”. Hơn thế nữa, chúng ta cũng đã đấu nổi thành công Nhà máy điện mặt trời An Hảo giai đoạn 3+4 với tiến độ thần tốc bằng chính nội lực của Tập đoàn trong khi các chuyên gia nước ngoài không thể tham gia trực tiếp vào dự án do tình hình dịch bệnh. Điều đó minh chứng rằng một tập thể đoàn kết, sáng tạo và đầy nhiệt huyết đã tạo nên thành công cho dự án và chính điều đó cũng tạo nên thành công cho Tập đoàn.

Mặc dù kết quả đạt được của năm qua còn khiêm tốn nhưng cũng đáng mừng so với các doanh nghiệp khác. Tôi rất cảm kích khi tất cả các thành viên trong Đại gia đình Sao Mai đều thấu hiểu, cảm thông và chia sẻ với Công ty để vượt qua khó khăn và thử thách như vậy.

Sắp tới đại dịch covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và khủng hoảng kinh tế khả năng sớm xuất hiện, đây là đòn cân não mà ban lãnh đạo Công ty phải đối phó, làm thế nào để ổn định và phát triển Tập đoàn trong thời gian tới. Vì vậy, tôi mong rằng Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV Công ty phải tiếp tục nỗ lực tư duy và làm việc sáng tạo hơn nữa, tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết để giúp con tàu Sao Mai thẳng tiến về vùng đất thành công.

Với tư cách CT.HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty, CB-CNV cùng tất cả Quý vị cổ đông, Quý đối tác đã luôn gắn bó, ủng hộ và đồng hành cùng Công ty trong suốt chặng đường vừa qua. Với sự chung sức của tất cả các thành viên trong Đại gia đình Sao Mai sẽ là động lực cho tôi tiếp tục khai sáng và kiến tạo để xây dựng mái nhà Sao Mai ngày càng vững chắc và phồn thịnh.

Cuối cùng, xin kính chúc Quý vị cùng gia quyến sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
Ths. Lê Thị Nguyệt Thu



Ngày 23/06/2020 – Lễ ký kết tổng thầu EPC thi công Nhà máy điện mặt trời Sao Mai giai đoạn II



Ngày 15/09/2020 – Lễ khởi động DA nhà máy điện năng lượng mặt trời Sao Mai giai đoạn II

MỤC LỤC

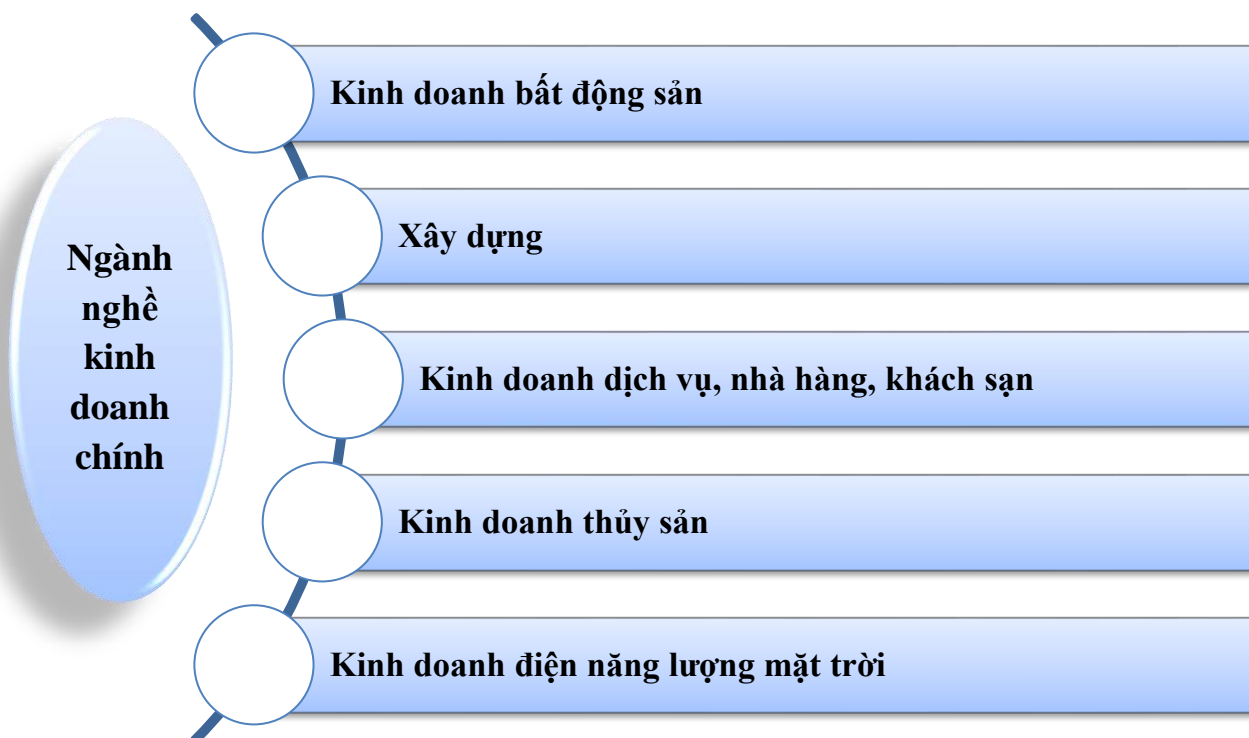
THƯ NGỎ	3
A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP	7
I. TỔNG QUAN VỀ SAO MAI GROUP	7
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	8
1. <i>Thành lập và các lần tăng vốn</i>	8
2. <i>Địa bàn hoạt động:</i>	8
3. <i>Danh hiệu & giải thưởng:</i>	9
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	12
1. <i>Mô hình quản trị:</i>	12
2. <i>Cơ cấu tổ chức:</i>	13
3. <i>Các công ty con, công ty liên kết:</i>	14
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	14
1. <i>Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn</i>	14
2. <i>Chiến lược phát triển trung và dài hạn:</i>	15
V. CÁC RỦI RO	16
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	17
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	17
1. <i>Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:</i>	17
2. <i>Tình hình thực hiện so với kế hoạch:</i>	17
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	19
1. <i>Danh sách Ban điều hành</i>	19
2. <i>Những thay đổi trong ban điều hành:</i>	24
3. <i>Số lượng cán bộ, nhân viên</i>	24
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2020.....	25
1. <i>Tình hình đầu tư trong năm 2020:</i>	25
2. <i>Tình hình thực hiện các dự án đang đầu tư và các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo:</i>	27
3. <i>Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết</i>	30
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN.....	67
1. <i>Tình hình tài chính</i>	67
2. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)</i>	67
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	68
1. <i>Cổ phần</i>	68
2. <i>Cơ cấu cổ đông:</i>	68
3. <i>Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu</i>	69
4. <i>Giao dịch cổ phiếu quỹ</i>	72
5. <i>Các chứng khoán khác:</i>	72
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	73
2. <i>Tiêu thụ năng lượng và nước</i>	73
3. <i>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</i>	74
4. <i>Chính sách liên quan đến người lao động</i>	74

5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương.....	74
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	77
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	77
1. Tình hình hoạt động kinh doanh:	77
2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.....	80
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	81
1. Tài sản:	81
2. Nợ phải trả:.....	81
3. Hiệu quả sử dụng vốn:.....	81
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ.....	82
IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	83
1. Bất động sản:.....	83
2. Thương mại thủy sản:.....	84
3. Xây dựng:.....	84
4. Ngành dịch vụ:	84
5. Năng lượng mặt trời.....	86
IV.1. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA SAO MAI NĂM 2021	86
V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	87
1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.....	87
2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động.....	87
3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	87
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI	89
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN.....	89
1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:	89
2. Tình hình đầu tư.....	89
3. Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:	89
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	90
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	90
E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN	91
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	91
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:	91
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:.....	93
II. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	95
1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:.....	95
2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:.....	95
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	96
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:	96
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:	96
3. Hợp đồng hoặc giao dịch nội bộ:.....	96
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:	96
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	97

A. GIỚI THIỆU VỀ SAO MAI GROUP

I. TỔNG QUAN VỀ SAO MAI GROUP

Tên đầy đủ	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI	
Tên viết tắt	TẬP ĐOÀN SAO MAI	
Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài	SAO MAI GROUP CORPORATION	
Vốn điều lệ	2.588.678.490.000 đồng	
Địa chỉ	326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	
Điện thoại	0296 3840 138	Fax: 0296 3840 139
Website	www.saomainews.com.vn	
Email	thongtinkhachhang@saomaigroup.com; pr@saomaigroup.com	



II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Thành lập và các lần tăng vốn

Tiền thân của Tập đoàn Sao Mai (tên gọi khác của công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang) là Công ty liên doanh Kiến trúc tỉnh An Giang được thành lập năm 1988, được thành lập theo Quyết định số 000450/GP/TLĐN-03 ngày 05/02/1997 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với vốn điều lệ ban đầu là 905.000.000 đồng.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã 11 lần tăng vốn điều lệ, từ lúc thành lập 905.000.000 đồng, đến nay đã lên 2.588.678.490.000 đồng.

2. Địa bàn hoạt động:

Địa bàn kinh doanh của Sao Mai mở rộng ở các tỉnh, thành: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Long An, Tp Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Hòa Bình, Thanh Hóa.



3. Danh hiệu & giải thưởng:

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình phát triển, Tập đoàn Sao Mai ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường và hàng năm đều được vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng uy tín:

- Huân chương Lao động của Chủ tịch nước về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác xã hội từ thiện;
- Bằng khen, Cờ thi đua của UBND tỉnh;
- Năm 2020 Tập đoàn có mặt trong: TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất thời Covid; đứng 46 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; Sao Mai đạt Top 4 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam; xếp hạng 4 trong Top 10 doanh nghiệp dẫn đầu năng lượng sạch...



Ông Nguyễn Văn Hưng - Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai (bìa phải) nhận Bằng khen của UBND tỉnh An Giang vì doanh nghiệp đã có nhiều đóng góp trong lĩnh vực xã hội hóa và an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020.



Bà Lê Thị Phượng - Phó Tổng Giám đốc Tài chính Tập đoàn Sao Mai (thứ 3 trái qua) nhận Bằng khen về thành tích nộp ngân sách vượt chỉ tiêu





DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU NĂNG LƯỢNG SẠCH VIỆT NAM 2020
VIETNAM LEADING CLEAN ENERGY ENTERPRISE 2020

CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

TẬP ĐOÀN SAO MAI

Top 10 Doanh nghiệp dẫn đầu năng lượng sạch Việt Nam 2020
Top 10 Vietnam Leading Clean Energy Enterprise 2020

Hạng/Rank: 04

CHỦ TỊCH
HIỆP HỘI NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
CHAIRMAN OF VIETNAM ENERGY ASSOCIATION

BAN
CHẤP HÀNH
Trần Việt Ngãi

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
TẠP CHÍ NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
STANDING SCIENCE COUNCIL
OF VIETNAM ENERGY MAGAZINE

TẠP CHÍ
NĂNG LƯỢNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thái Sơn

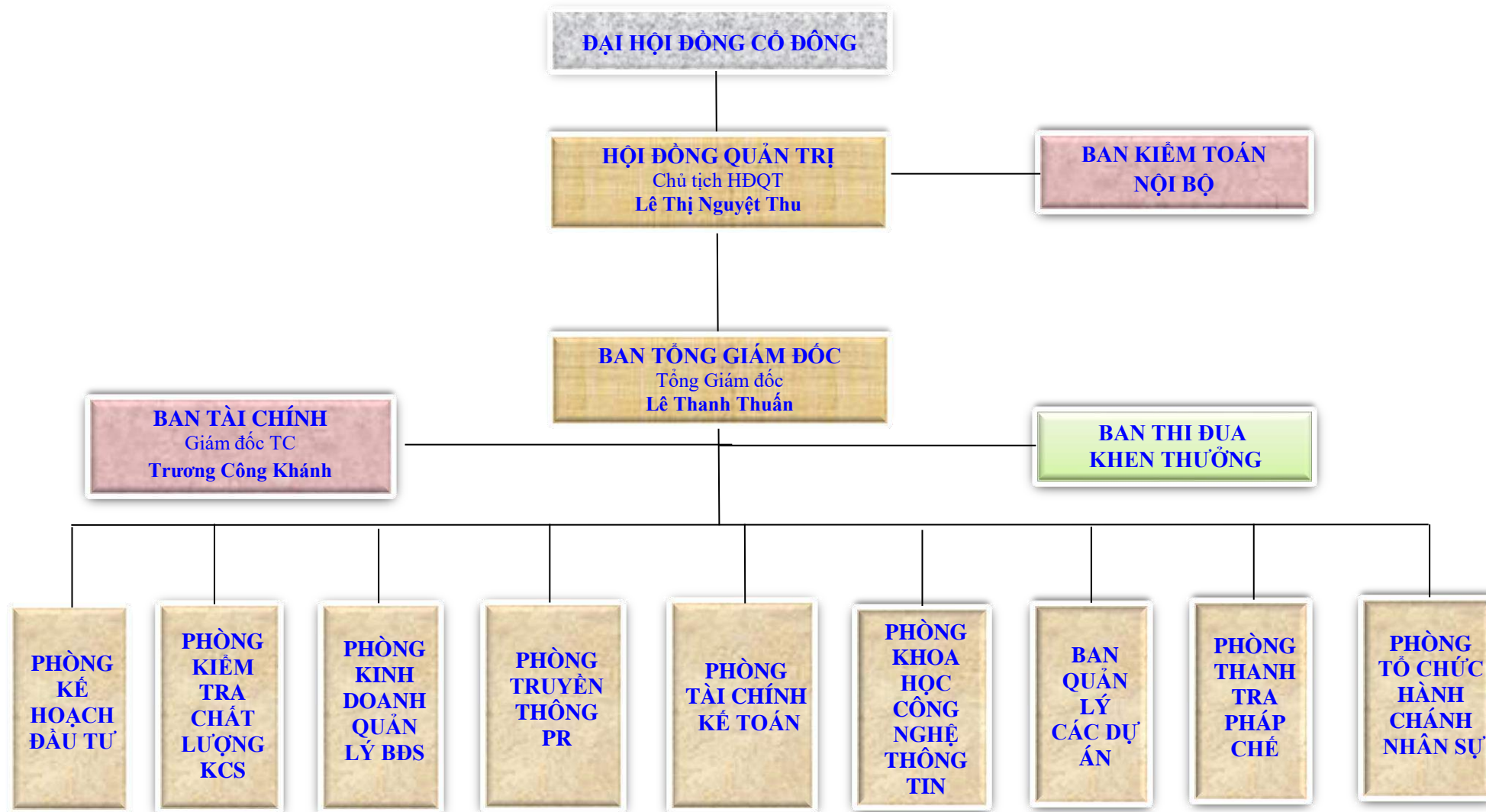
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN
CHAIRMAN OF AWARD VOTING COUNCIL

Nguyễn Anh Tuấn

Số/No: 04/BXHVCE-2020

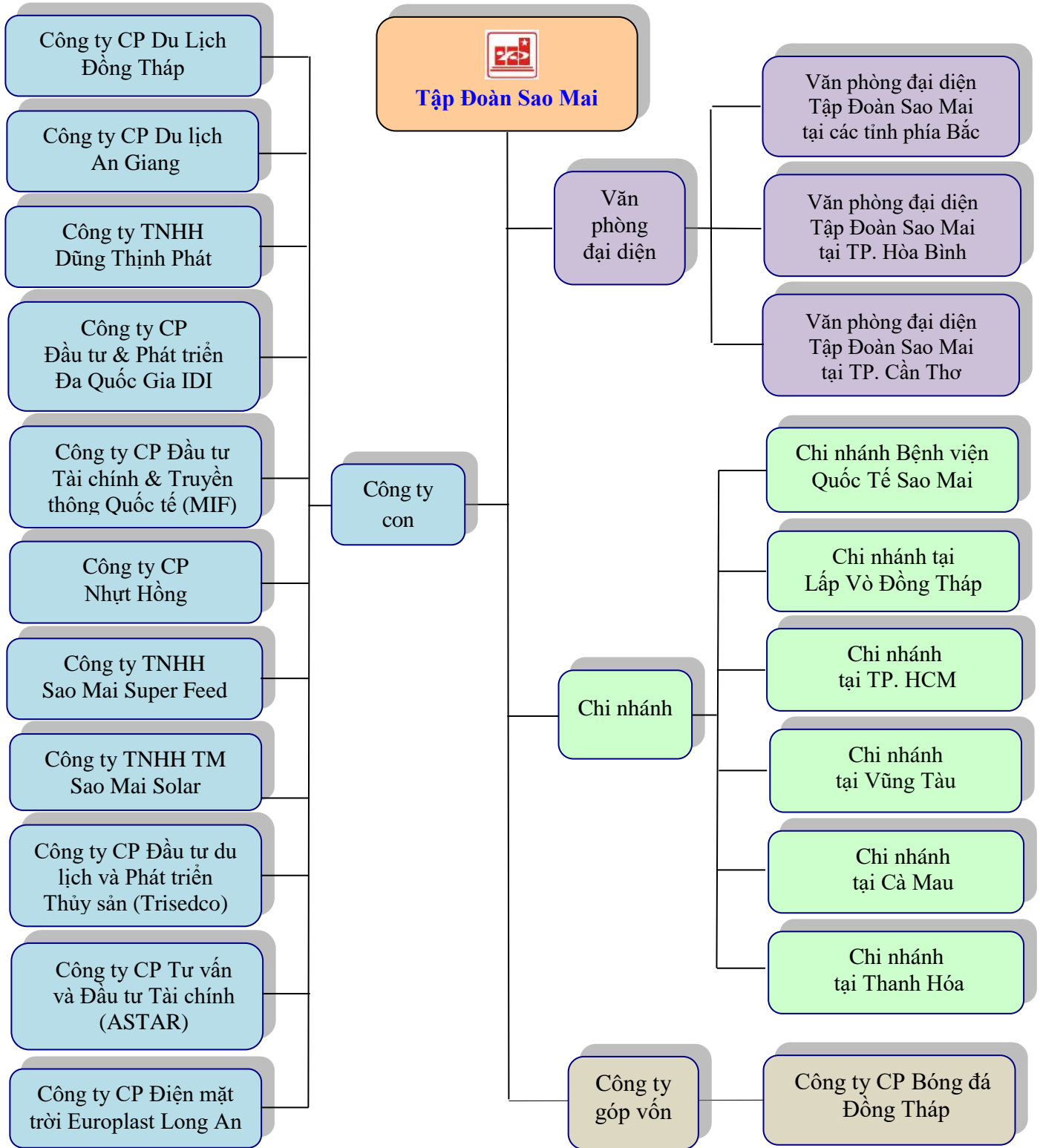
III. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị:



2. Cơ cấu tổ chức:

Từ một trụ sở chính tại số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, đến nay Tập đoàn Sao Mai đã xây dựng được một hệ thống gồm 3 văn phòng đại diện, 6 chi nhánh, 11 công ty con, 1 công ty góp vốn. Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Sao Mai:

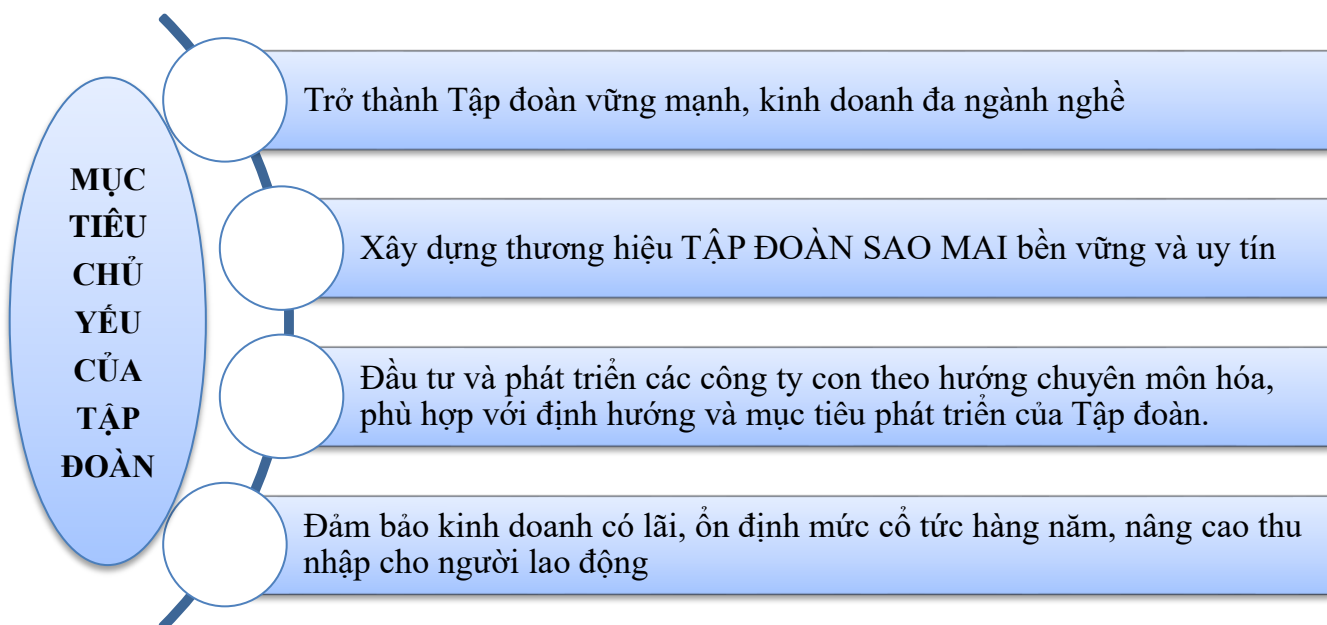


3. Các công ty con, công ty liên kết:

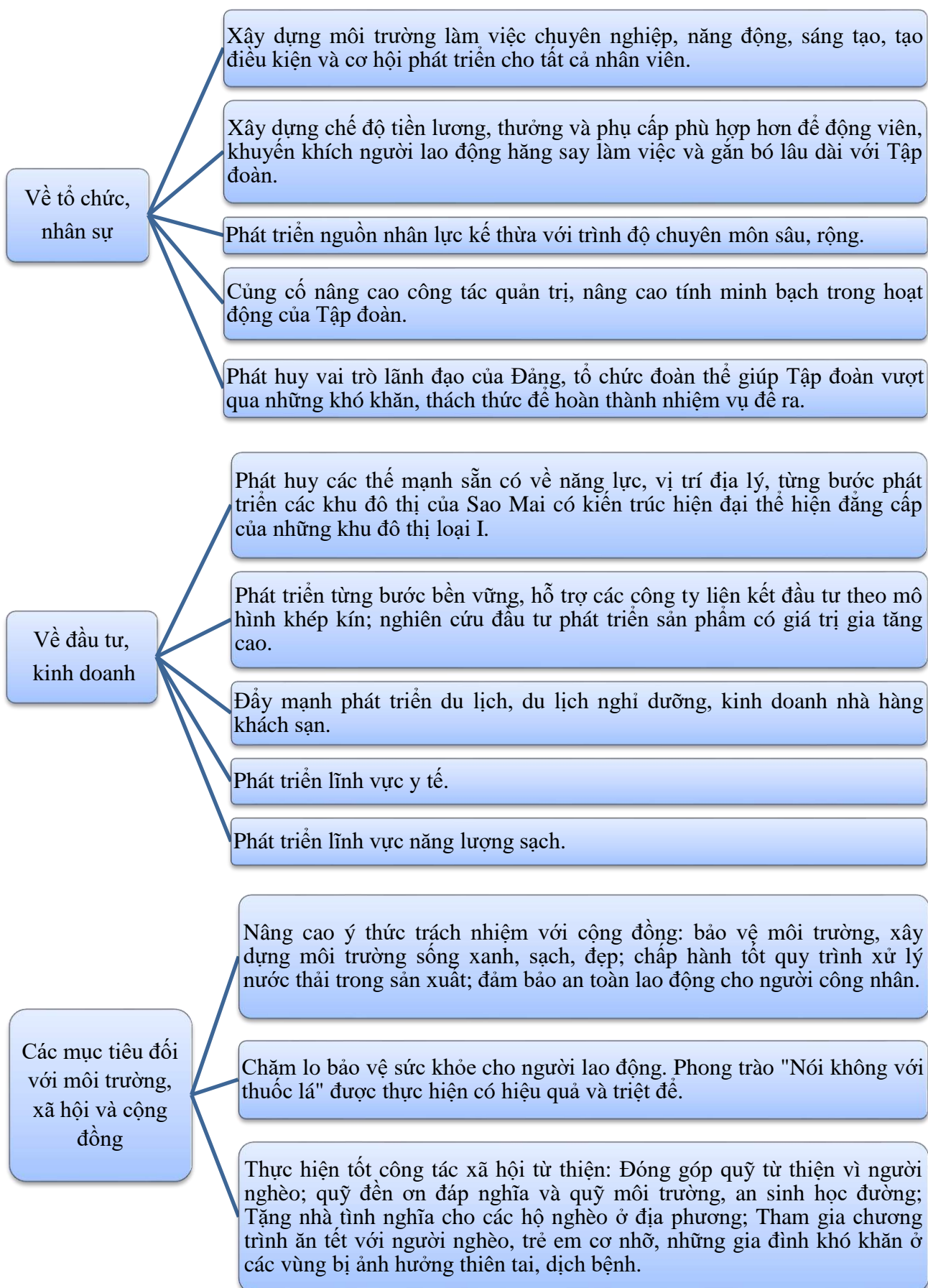
STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số tiền Sao Mai đã đầu tư (VND)
1	Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	66,00%	66,00%	33.000.000.000
2	Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	86,76%	86,76%	68.391.109.800
3	Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	167.991.740.000
4	Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%	11.510.000.000
5	Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	20.000.000.000
6	Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	400.000.000.000
7	Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI	51,23%	51,23%	997.398.163.912
8	Công ty CP Du Lịch An Giang	72,71%	72,71%	161.209.410.000
9	Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	76,67%	76,67%	402.500.000.000
10	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	43,95%	82,67%	15.000.000.000
11	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	53,83%	91,95%	8.660.000.000

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Tập đoàn

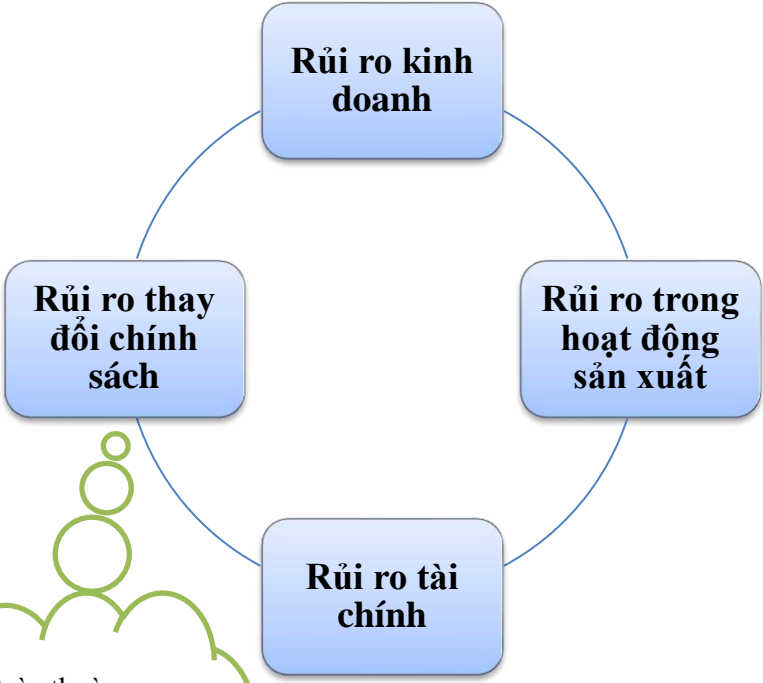


2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:



V. CÁC RỦI RO

Biến động về giá bán tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
 --> Sao Mai luôn có chính sách giá bán linh hoạt, điều chỉnh đúng lúc, phù hợp với tình hình thị trường từng thời điểm



→ Tập đoàn thường xuyên cập nhật các văn bản luật mới nhằm giảm thiểu rủi ro khi có thay đổi chính sách ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh

Biến động giá đầu vào cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp.
 → Xây dựng định mức hợp lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ
 → Đối với BĐS: xây dựng phương án bồi thường, lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai dự án.

- Biến động lãi suất: → Công ty lựa chọn những tổ chức tín dụng lớn có mức lãi suất cho vay thấp và ổn định để vay, kết hợp với việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và hiệu quả.
- Biến động tỷ giá: ảnh hưởng đến Doanh thu tài chính nhưng ít do Công ty ít có nhập khẩu.
- Rủi ro thanh toán: mất cân đối thu chi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Tập đoàn, có thể dẫn đến ngừng sản xuất → Tập đoàn luôn quan tâm đến việc cân đối các nguồn sao cho an toàn và hiệu quả.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng năm 2020



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2020



2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	TH2020/TH2019 (%)	TH2020/KH2020 (%)
1. Doanh thu thuần	14.223,77	12.524,61	14.700,00	88%	85%
- Bất động sản	609,81	459,70	770,00	75%	60%
- Thương mại	12.995,43	11.136,88	13.280,00	86%	84%
- Dịch vụ, khách sạn	253,08	203,65	170,00	80%	120%
- Các công trình xây dựng	138,54	209,10	100,00	151%	209%
- Năng lượng	226,92	515,29	380,00	227%	136%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	823,35	572,48	870,00	70%	66%
3. Vốn điều lệ	2.588,68	2.588,68	2.588,68	100%	100%

Nhìn chung, doanh thu của năm 2020 chỉ bằng 88% so với năm 2019 và đạt 85% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên từng lĩnh vực kinh doanh có những biến động khác nhau. Lĩnh vực xây dựng và năng lượng có kết quả tốt hơn so với kế hoạch. Riêng về lĩnh vực xây dựng, doanh thu tăng 51% so với năm 2019 và tăng gấp 2 lần so với kế hoạch, nguyên nhân là do công ty con của Sao Mai (Công ty Sao Mai Solar) có nhận thầu thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho các hộ dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, lĩnh vực điện mặt trời cũng mang lại nguồn doanh thu đáng kể 515 tỷ đồng, đạt 136% so với kế hoạch. Về lợi nhuận hợp nhất năm 2020 bằng 70% so với 2019 và bằng 66% so với kế hoạch.



Toàn cảnh dự án Điện mặt trời Sao Mai 210Mwp tại xã An Hào, huyện Tĩnh Biên, An Giang



II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

HỌ TÊN	CHỨC DANH
1. Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
2. Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
3. Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
4. Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
5. Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
6. Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
7. Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
8. Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
9. Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính
10. Ngô Thị Tố Ngân	Kế toán trưởng



Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai.

Ông Lê Thanh Thuấn sinh năm 1958 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Ông Lê Thanh Thuấn làm cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang từ năm 1979.

Năm 1986: Ông làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang.

Năm 1992: Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu

Năm 1997: Ông thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (nay là Tập đoàn Sao Mai)

Hiện tại, Ông Thuấn đang giữ chức thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ của Tập đoàn Sao Mai.

Ngoài ra, Ông cũng đang giữ các vị trí lãnh đạo khác như Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI, Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.

Với kinh nghiệm hơn 30 năm công tác trong ngành xây dựng và hơn 20 năm tổ chức và điều hành Tập đoàn Sao Mai, đến nay ông Thuấn là một trong những cổ đông lớn sở hữu 49.986.486 cổ phần, tương đương nắm giữ 19,31% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai.

Ông Nguyễn Văn Hưng sinh năm 1954 tại Đồng Tháp.

Ông công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.

Năm 1989 Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang;

Năm 1995, Ông được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang.

Năm 1997, Ông góp vốn thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai.

Đến nay, ông Hưng đang giữ chức Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.

Ngoài ra, Ông cũng đang là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.



Phó chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám
đốc Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay ông Hưng đang sở hữu 400.500 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,15 % vốn điều lệ.



Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Từ năm 1984, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.

Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.

Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang

Ông được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994.

Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Tập đoàn Sao Mai từ năm 1997.

Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Bên cạnh Tập đoàn Sao Mai, ông Chung cũng đang làm Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI, Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Hiện nay, ông Chung nắm giữ 2.034.209 cổ phần, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Tập đoàn Sao Mai

Ông Lê Văn Thành sinh năm 1967 ở Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Năm 1987 ông công tác tại Trường sĩ quan Quân Sự - Sĩ Quan Quân đội Nhân dân Việt Nam;

Từ năm 1990 – 1992: Công tác tại Sư Đoàn 363 Hải Phòng;

Đến 1992 Ông công tác tại Xí Nghiệp Tây sông Hậu

Từ năm 1997: ông bắt đầu công tác tại Tập đoàn Sao Mai, đến năm 2003: Ông được bổ nhiệm làm Phó phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2003 – 2007: Trưởng Phòng kế hoạch Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2007 – 2010: Trưởng Phòng nhà đất Tập đoàn Sao Mai;

Từ năm 2010–2016: Trưởng phòng Quản lý bất động sản Tập đoàn Sao Mai

Từ 01/01/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn Sao Mai.

Ngoài ra ông còn tham gia giữ chức vụ quản trị tại các công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai như Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựt Hồng; Thành viên HĐQT Cty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Truyền Thông Quốc tế MIF.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Hiện tại ông đang nắm giữ 749.113 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,29% vốn điều lệ.

Ông Lê Xuân Quế sinh năm 1968 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp Cao đẳng xây dựng.

Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam.

Đến năm 2003, Ông được mời về công tác tại Tập đoàn Sao Mai.

Trong quá trình công tác, Ông Quế cũng đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch An Giang.

Năm 2016, Ông Quế trúng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2016-2021.



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Hiện nay ông Quế đang nắm giữ 716.793 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,28% vốn điều lệ.

	<p>Ông Lê Văn Lâm sinh năm 1973 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa.</p> <p>Năm 1999 – 2002 Đội trưởng Đội xây dựng số 11 của Sao Mai</p> <p>Năm 2003 - 2006 Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai. Từ năm 2006 - 2009 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống - IDI.</p> <p>Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco.</p> <p>Tháng 10/2011 ông về làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai.</p> <p>Từ tháng 7/2018, Ông Lâm đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.</p> <p>Bên cạnh đó, Ông Lâm còn giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Nhựt Hồng.</p> <p>Hiện Ông Lâm không nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Sao Mai.</p>
<p>Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai</p>	

<p>Ông Trương Vĩnh Thành sinh ngày 07/07/1977 ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng đại học Bách khoa TPHCM khóa 1994 - 1999.</p> <p>Từ năm 1999 – 2001: Phó phòng, trợ lý Giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Tập đoàn Sao Mai.</p> <p>Từ năm 2001 – 2004: Giám đốc Cty Tư vấn Thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Tập đoàn Sao Mai.</p> <p>Từ năm 2005 – 2007: TP Quản lý Đầu tư Tập đoàn Sao Mai kiêm P.Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI.</p> <p>Năm 2008 – 2011: Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.</p> <p>Từ 2011 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai</p> <p>Hiện nay, Ông Thành còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty CP Đầu tư tài chính & truyền thông Quốc tế (MIF), Thành viên HĐQT công ty CP Du lịch An Giang.</p>	
<p>Hiện nay ông Thành đang nắm giữ 194.205 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.</p>	<p>Phó Tổng Giám đốc</p>



Phó Tổng Giám đốc
Tập đoàn Sao Mai

Bà Lê Thị Phụng sinh năm 1980 tại Thanh Hóa. Năm 2004, Bà công tác tại phòng kế toán của Tập đoàn Sao Mai sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán.

Từ năm 2007 – 10/2015, bà Phụng được bổ nhiệm giữ chức Kế toán Trưởng của Tập đoàn Sao Mai.

Tháng 10/2015 đến nay, bà Phụng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Sao Mai phụ trách Tài chính.

Ngoài công việc tại Tập đoàn Sao Mai, bà Phụng còn đảm nhận làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch An Giang, Phó CT. HĐQT Công ty CP Điện mặt trời Europlast Long An, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ IDI.

Hiện nay Bà Phụng đang nắm giữ 218.625 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.



Giám đốc Tài chính

Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Đồng Tháp, tốt nghiệp cử nhân kế toán-kiểm toán.

Từ 7/2009 - 11/2010 Ông công tác tại Ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành.

Từ 12/2010 - 10/2013, Ông chuyển sang công tác tại Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoán sản Châu Á kiêm kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Từ 8/2013, Ông được bầu làm Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.

Tháng 9/2013, Ông Khánh được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Tháng 01/2017, Ông Khánh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á.

Tháng 07/2017 – 02/03/2020: Ông làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Tài chính Tập đoàn Sao Mai; Giám đốc tài chính Công ty IDI.

Hiện nay Ông Khánh đang nắm giữ 217.745 cổ phần của Tập đoàn Sao Mai, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

	<p>Bà Ngô Thị Tố Ngân sinh năm 1981 tại Long An, tốt nghiệp cử nhân kế toán.</p> <p>Từ 2008 đến 14/04/2011: Bà Ngân làm cán bộ kế toán tổng hợp Tập đoàn Sao Mai.</p> <p>Từ 15/04/2011 đến 31/12/2012: Bà kiêm nhiệm chức Trợ lý TGD Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI trong lĩnh vực tài chính, kế toán</p> <p>Từ 01/01/2012 Bà đảm nhiệm chức vụ Phó phòng kế toán.</p> <p>Từ 02/08/2012 đến 05/01/2018 Bà kiêm nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Nhựt Hồng.</p>
	<p>Kế toán trưởng</p> <p>Ngày 02/03/2020 bà được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn Sao Mai. Ngoài ra, Bà Ngân còn là thành viên của Ban kiểm toán nội bộ công ty IDI.</p>

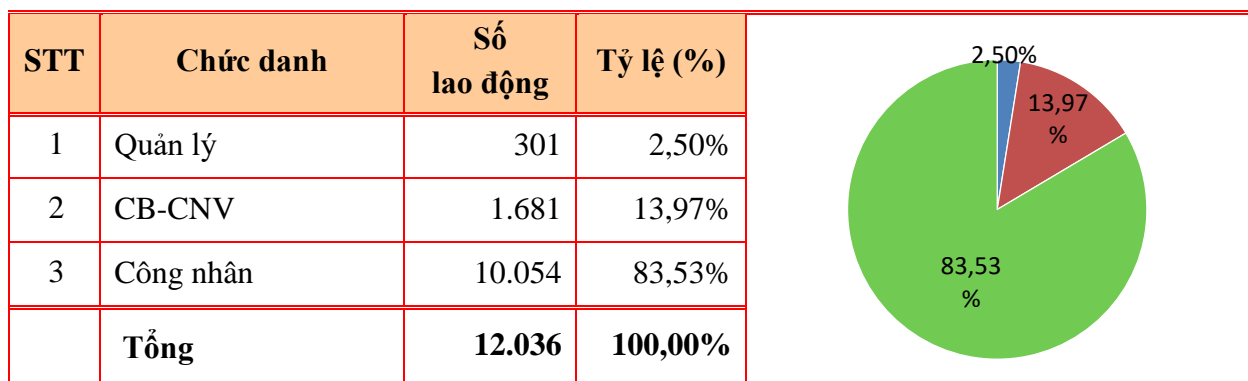
2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2020 ban điều hành không có thay đổi.

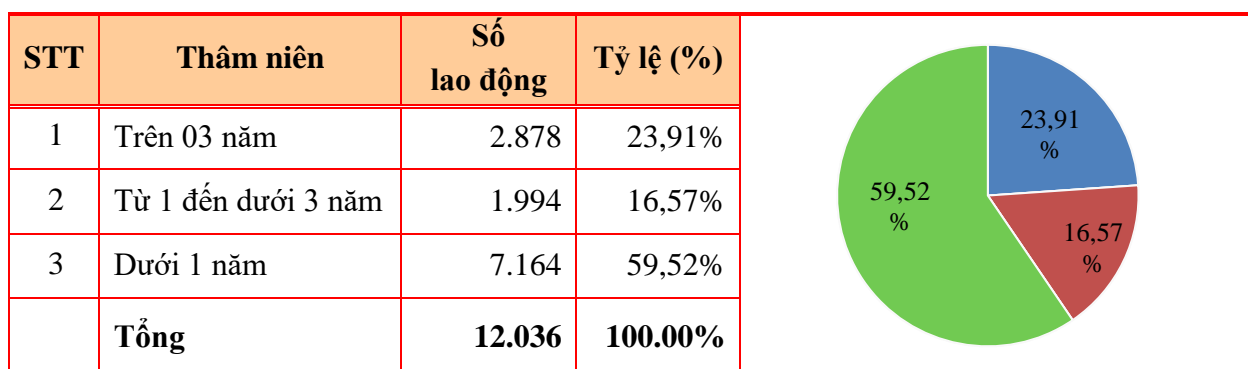
3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của toàn Tập đoàn Sao Mai tính bình quân trong năm 2020 trên 12.000 người, trong đó nhiều cán bộ ưu tú được đào tạo từ các nước phát triển là lãnh đạo chủ chốt của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Cơ cấu lao động như sau:

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2020

1. Tình hình đầu tư trong năm 2020:

a. Đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Sao Mai (giai đoạn 3+4) 106MWp xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang:

Giai đoạn 3+4 của dự án điện mặt trời An Hảo được Tập đoàn Sao Mai khởi công từ giữa tháng 9/2020, kết quả sau 80 ngày thi công xây dựng xuyên suốt, đã đấu nối điện vào ngày 02/12/2020 và doanh thu từ bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được xác lập vào ngày 15/12/2020. Giá trị đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng.

b. Đầu tư Dự án Khu đô thị mới Sao Mai Tây thị trấn Cái Dầu

Tháng 7/2020 Tập đoàn Sao Mai đã khởi công đầu tư dự án Khu đô thị mới Sao Mai thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với quy mô 70,43ha, vốn đầu tư dự án ước tính gần 800 tỷ đồng. Hiện tại dự án đang đầu tư hạ tầng. Dự kiến đến năm 2022 dự án có thể bán nên.

c. Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Du lịch Đồng Tháp:

Trong năm 2020, Sao Mai tiếp tục góp vốn vào Công ty CP Du lịch Đồng Tháp để bổ sung vốn cải tạo hệ thống nhà hàng khách sạn của Công ty CP Du lịch Đồng Tháp, nâng tỷ lệ sở hữu từ 84,72% lên 86,76%.

d. Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH TM Sao Mai Solar:

Công ty TNHH TM Sao Mai Solar với 100% là vốn góp của Sao Mai. Năm 2020, Sao Mai nâng tổng vốn góp vào Sao Mai Solar là 20 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động cho Sao Mai Solar lắp đặt, thi công các công trình điện mặt trời áp mái.

e. Đầu tư nhà máy nước uống thiên nhiên An Hảo

Tập đoàn Sao Mai đã phối hợp với Foodtech - đơn vị khoa học & công nghệ trực thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam tìm hiểu và thăm dò các mạch nước ngầm trong lòng núi An Hảo. Viện Pasteur - TP.HCM đánh giá chất lượng thông qua các chỉ số khoáng vi lượng, với kết quả đạt chuẩn tốt và an toàn cho sức khỏe con người. Trong năm 2020, Công ty CP Du lịch An Giang (công ty con của Tập đoàn) đã bắt đầu đầu tư Nhà máy nước uống thiên nhiên An Hảo.

f. Đầu tư các dự án dở dang và hoàn thành trong năm 2020

- Trong năm 2020, Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện thi công Kho lạnh số 4 thuộc Nhà máy chế biến đông lạnh thủy sản của IDI với công suất 10.000 tấn thành phẩm, giá trị đầu tư ước tính 160 tỷ đồng. Kho lạnh số 4 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối tháng 10/2020.
- Đầu tư Tháp tinh luyện 2 của NM tinh luyện Dầu cá do Trisedco làm chủ đầu tư, giá trị đầu tư ước tính gần 30 tỷ đồng. Tháp tinh luyện 2 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 2020

- Bên cạnh đó, trong năm 2020 Tập đoàn cũng đã và đang hoàn thiện thi công một số công trình cải tạo nhà hàng, khách sạn, khu di tích, du lịch của 2 công ty Du lịch
 - + Công ty CP Du lịch An Giang: cải tạo Khu di tích Đồi Tức Dụp; Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư; Cải tạo Khách sạn Đông Xuyên; Cải tạo Sao Mai Resort Châu Đốc
 - + Công ty CP Du lịch Đồng Tháp: Cải tạo Khách sạn Sa Đéc, Khách sạn Bông Hồng, ...



Nhà máy nước uống thiên nhiên An Hảo

2. Tình hình thực hiện các dự án đang đầu tư và các dự án định hướng phát triển trong các năm tiếp theo:

Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
	Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
Dự án số 2 - KĐT mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng ĐĐXD: TT. Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	70,44	758	- Đất ở: 23,57ha - Đất TMDV: 6,12ha	- Đã được Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số: 1090/UBND-THKH ngày 03/02/2017 và điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số: 1734/UBND-CN ngày 04/02/2021; - Đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số: 1945/QĐ-UBND ngày 23/06/2014; - Đã được thẩm định thiết kế cơ sở tại Công văn số: 52/TĐ-KT&HT ngày 04/03/2021; - Đã thỏa thuận PCCC; - Đã thỏa thuận cấp điện; - Đã thỏa thuận cấp nước; - Đang thông qua hội đồng thẩm định ĐTM; - Đang phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thọ Xuân thực hiện bồi thường GPMB.
Khu đô thị mới Sao Mai Bình Khánh 4 ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	38,66	450	- Đất ở: 19,35ha - Đất TMDV: 1,7ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số: 1700/QĐ-UBND ngày 11/07/2019; - Đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số: - Thiết kế cơ sở đã được thẩm định tại Công văn số: 2462/SXD-QLXD ngày 15/08/2019; - Đã thỏa thuận GPMB khoảng 15% diện tích dự án; - Đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo Công văn số 153/TTg-NN ngày 03/02/2021; - Đang phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Long Xuyên thực hiện bồi thường GPMB.
Đường GTGT KDC Nam Trà Ôn ĐĐXD: P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên	4,29	508	- Đất ở: 2.08ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số: 1264/QĐUBND ngày 05/06/2018 và điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 2172/QĐ-UBND ngày 10/09/2019; - Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số: 2297/QĐ-UBND ngày 29/12/2014; - Đã thỏa thuận GPMB khoảng 47% diện tích dự án đồng thời kết hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất TP Long Xuyên thực hiện bồi thường GPMB;
Khu đô thị mới Sao Mai Tây thị trấn Cái Dầu ĐĐXD: TT. Cái Dầu, huyện Châu Phú	47,39	800	- Đất ở: 17,68ha - Đất TMDV: 2,42 ha	- QĐ chủ trương đầu tư số: 1771/QĐ-UBND ngày 19/7/2019; - QĐ phê duyệt NVQH số: 2151/QĐ-UBND ngày 27/11/2020; - HS Quy hoạch chi tiết 1/500 đã được UBND huyện Châu Phú thẩm định và đang trình Sở Xây dựng thỏa thuận; - Quỹ đất: Công ty đã tự thương lượng được khoảng 45ha;

Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
	Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
Khu đô thị mới Sao Mai Tây Khánh 4 + 5 ĐĐXD: P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang	62,00	1.220	- Đất ở: 27,1ha - Đất TMDV: 1,34ha	- QĐ phê duyệt NVQH số: 956/QĐ-UBND ngày 29/06/2020; - Đang trình UBND Tp Long Xuyên và Sở Xây Dựng phê duyệt đề án quy hoạch 1/500; - Đã được Thủ tướng chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo Công văn số 153/TTg-NN ngày 03/02/2021. UBND tỉnh An Giang có Công văn số 583/VPUBND-KTN giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Tập đoàn Sao Mai thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất;
Khu đô thị mới Sao Mai Tân Châu ĐĐXD: P. Long Thạnh, TX. Tân Châu	99,80	1.100	- Đất ở: 40,66ha - Đất TMDV: 4,18ha	- Đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số: 835/QĐ-UBND ngày 29/03/2016, và điều chỉnh chủ trương số: 391/QĐ-UBND ngày 26/02/2020; - Đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số: 2794/QĐ-UBND ngày 01/12/2020; - Đang phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Tân Châu thực hiện bồi thường GPMB. - Đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở;
Khu đô thị mới Sao Mai Minh Sơn và TT. Triệu Sơn ĐĐXD: Huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa	43,44	474	- Đất ở: 18.37ha - Đất TMDV: 1.14ha	- Đã được phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số: 1056/QĐ-UBND ngày 09/06/2014; điều chỉnh cục bộ QH số: 8185/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số : 403/QĐ-UBND ngày 25/01/2019; - Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường : 4965/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số : 282/TD-PCCC ngày 24/06/2020; - Đã hoàn tất thỏa thuận cấp điện; cấp nước; - Đã cấp GCN PCCC; - Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Triệu Sơn : 2019/QĐ-UBND ngày 03/06/2020; - Phê duyệt báo cáo ĐTM số: 4965/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; - Thủ tướng Chính phủ đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp số: 377/TTg-NN ngày 26/03/2021; - Đang xin phê duyệt hồ sơ thiết kế cơ sở; - Đang phối hợp với Hội đồng bồi thường GPMB huyện Triệu Sơn để thực hiện bồi thường GPMB
	181,87	2.365	- Đất ở: 55,82ha - Đất TMDV: 12,99ha	- Giao cho công ty IDI làm chủ đầu tư Khu đô thị mới tại phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt : 3131/QĐ-UBND ngày 23-10-2015; - Phê duyệt Đề án QH 1/500: 268/QĐ-UBND ngày

Dự án	Quy mô theo dự án được duyệt			Tiến Độ/Pháp lý
	Diện tích (ha)	Vốn (tỷ đồng)	Thành phẩm	
Khu đô thị mới Sao Mai Thốt Nốt ĐĐXD: Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ				19/02/2020; - Xác nhận nộp tiền ký quỹ thực hiện dự án : 2260/SKHĐT-VP ngày 24/09/2020; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số: 523/TD-PCCC ngày 16/11/2020; - Đã ký hợp đồng đo đạc với Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường số: 06/2020/HĐ.PTQĐ-GPMB ngày 08/05/2020; - HĐND Tp Cần Thơ ban hành Nghị quyết thông qua danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích SĐĐ trồng lúa dưới 10h trình Thủ tướng số 41/NQ-HĐND ngày 04/12/2020; - UBND huyện đang trình cập nhật vị trí thu hồi đất: Cập nhật vị trí thu hồi đất dự án (thuộc địa phận xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh) số: 242/TTr-UBND ngày 18/03/2020; - Đánh giá ĐTM đã được thông qua hội đồng thẩm định và tư vấn đang trình Chi cục bảo vệ môi trường; - Đang hoàn thiện hồ sơ thẩm định thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật; - Đang đề nghị Sở GTVT hỗ trợ thỏa thuận phương án về ranh giới đầu nối giao thông;
Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa (Thọ Xuân) ĐĐXD: Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa	53,80	1.400	- Khu điều hành: 2,6ha- Khu tịnh tâm: 4,94ha - Khu nghỉ dưỡng: 13,98ha- Khu du lịch: 8ha - Khu villa: 6,13ha - Khu đảo ngọc: 3,86ha	- Đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư Số 26121000031 ngày 18-10-2013, điều chỉnh tiến độ : 4660/QĐ-UBND ngày 23/11/2018; - Đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số: 1994/QĐ-UBND ngày 26/06/2014; - Đã được Nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho Cty Sao Mai thuê đất đợt 1 tại Quyết định số: 4951/QĐ-UBND ngày 22/11/2019; với diện tích là: 51,79ha - Đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC: 281/TD-PCCC ngày 24/06/2020; - Đã Thỏa thuận về mặt nguyên tắc cấp điện cho dự án: 1302/PCTH-KD ngày 18/05/2020;- Đang xin xác nhận tiền sử dụng đất : 66/CV-ASM.KH ngày 14/05/2020; - Đang thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM; - Đang trình thẩm định thiết kế cơ sở; - Đã cấp GCN PCCC;

Ngoài các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, Tập đoàn còn có hơn 10 dự án đang chờ cấp phép đầu tư như dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trà Sư (xã Văn Giáo, Tịnh Biên, An Giang), Khu đô thị mới Sao Mai Cầu Đình 1 (Tịnh Biên, An Giang), Khu đô thị mới Sao Mai Mỹ An (Chợ Mới, An Giang),...

3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết

3.1. Tình hình hoạt động

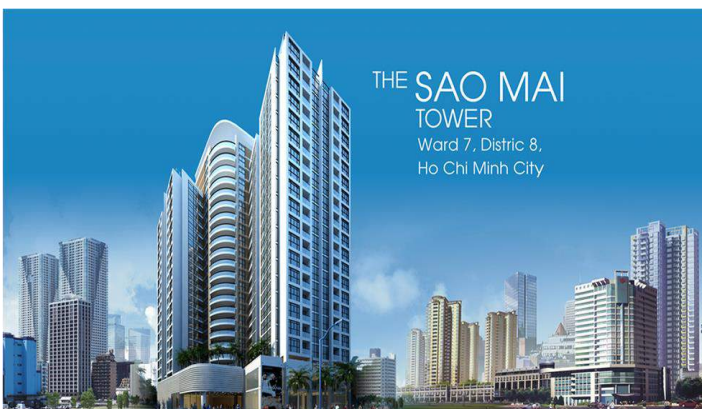
3.1.1 Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát

- Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.
- Thành lập ngày : 22/5/2006 theo giấy CNĐKKD số 4102039604. Đăng ký thay đổi lần 5 theo giấy CNĐKKD số 0304407453 ngày 08/04/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Hồng Luân.
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công nghiệp dân dụng, công nghiệp.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Dũng Thịnh Phát (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
50.000.000.000	33.000.000.000	66,00

✓ Dũng Thịnh Phát là doanh nghiệp do Tập đoàn Sao Mai thành lập để làm chủ đầu tư dự án Sao Mai Tower tại phường 16, quận 8, TP. HCM;

✓ Khi công ty nhận được Quyết định thu hồi và giao đất dự án thì thị trường bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn nên công ty đã tạm dừng việc đầu tư chờ tín hiệu của thị trường để xem xét có tiếp tục đầu tư nữa không. Vì vậy, đến thời điểm này công ty vẫn chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.



3.1.2 Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp



- Logo :
- Địa chỉ : Số 02, Đốc Binh Kiều, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : Giấy chứng nhận đăng ký số 1400355383, cấp lần đầu ngày 07/02/2006. Đăng ký thay đổi lần 25 ngày 13/07/2020 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Xe.
- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch...
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND) (*)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Du lịch Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.035.470.000	68.391.109.800	86,76%

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp được xem là cánh chim đầu đàn của tỉnh trong lĩnh vực Nhà hàng - khách sạn và các dịch vụ khác như du lịch lữ hành, đại lý vé máy bay,... Hoạt động kinh doanh của Công ty CP Du lịch Đồng Tháp đã đi vào ổn định và phát triển.

✓ Tình hình kinh doanh năm 2020

- Về lĩnh vực lữ hành: năm 2020 do dịch bệnh Covid nên hoạt động của Trung tâm Điều hành Du lịch gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Trung tâm cũng đã có nhiều phấn đấu, nắm bắt thông tin thị trường, tận dụng thời cơ để phát triển kinh doanh nhằm mở ra cơ hội tìm kiếm lợi nhuận.
- Hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn:
 - Sau khi Khách sạn Sao Mai đạt chuẩn 4 sao đi vào hoạt động đã tạo nên sự khác biệt về một đơn vị du lịch hiện đại, trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trên thị trường dịch vụ khách sạn tại tỉnh Đồng Tháp nói riêng và ĐBSCL nói chung.
 - Bên cạnh đó, Khách sạn Bông Hồng cũng đã được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn 3 sao; Trung tâm tổ chức sự kiện với sức chứa 800 khách đã góp phần tạo nên một diện mạo mới cho Công ty CP Du lịch Đồng Tháp.
 - Khách sạn Sa Đéc tuy quy mô nhỏ nhưng đã có nhiều cố gắng khai thác và cung cấp dịch vụ nhà hàng - khách sạn và các dịch vụ khác, đã đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận cho Công ty

✓ **Kết quả kinh doanh năm 2020:**

ĐVT: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2020		Thực hiện năm 2019	So sánh	
	Kế hoạch	Thực hiện		Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Thực hiện 2020/ Thực hiện 2019 (%)
Tổng doanh thu thuần	70.000	48.033	72.282	68,7%	66,5%
- Doanh thu lữ hành	15.000	5.673	24.653	37,8%	23,0%
- Doanh thu nhà hàng	25.000	23.335	30.197	93,3%	77,3%
- Doanh thu hàng hoá	12.000	2.242	2.498	18,7%	89,8%
- Doanh thu Khách sạn	10.000	7.767	9.137	77,7%	85,0%
- Doanh thu Dịch vụ khác	8.000	9.016	5.797	112,7%	155,5%
Lợi nhuận trước thuế	5.000	2.063	4.699	41,2%	43,9%

Nhìn chung trong năm 2020 tổng doanh thu thuần đạt 48 tỷ đồng, chỉ được 68,7% so với kế hoạch, thực hiện trong năm 2020 so với năm 2019 là 66,5%. Nguyên nhân không đạt kế hoạch đề ra là do trong năm 2020 Đại dịch Covid 19 bùng nổ làm tê liệt ngành dịch vụ du lịch cả nước nói chung và Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp nói riêng.



Nhà cổ Huỳnh Thủy Lê



TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH DU LỊCH

Địa chỉ: 02 Đốc Bình Kiều, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp



KHÁCH SẠN SA ĐÉC - 108/5A Hùng Vương, P1, Sa đéc, Đồng Tháp



KHÁCH SẠN SAO MAI - số 178 Nguyễn Huệ- Phường 2- TP Cao Lãnh



KHÁCH SẠN BÔNG HỒNG – 251A, Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp

3.1.3 Công ty CP Du Lịch An Giang



- Logo :
- Địa chỉ cũ : 1444 Trần Hưng Đạo, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang.
Địa chỉ mới : Số 17 Nguyễn Văn Cung, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang
- Thành lập ngày : 23/08/2005 theo giấy CNĐKKD số 1600191767 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 26 ngày 14/08/2020.
- Đại diện theo pháp luật : **Ông Trần Minh Trí** – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh lữ hành; Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào cty CP DL An Giang (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
112.054.070.000	161.209.410.000	72,71

✓ Tình hình hoạt động trong năm 2020

Doanh thu mang lại lợi nhuận cho Công ty chính nhờ hoạt động du lịch và chuỗi nhà hàng khách sạn gồm Đông Xuyên, Long Xuyên, Cửu Long, Bến đá Núi Sam, Khu du lịch sinh thái Rừng Tràm Trà Sư,....

Kết quả kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Các chỉ tiêu	Năm 2020		Thực hiện năm 2019	So sánh	
	Kế hoạch	Thực hiện		Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Thực hiện 2020/ Thực hiện 2019 (%)
Tổng doanh thu thuần	90.000	70.283	90.229	78,09%	77,89%
Cụm Đông Xuyên	44.100	33.392	44.196	75,72%	75,55%
Tứ Dụp	5.850	4.030	6.608	68,88%	60,98%
Núi Sam	3.240	2.048	11.635	63,21%	17,60%
Trung tâm DV Du lịch	9.900	2.251	8.434	22,74%	26,69%
Trà Sư	25.200	26.860	17.501	106,59%	153,48%
Văn phòng Cty	1.710	1.702	1.855	99,51%	91,71%
Lợi nhuận sau thuế	17.600	9.866	15.143	56,06%	65,15%

Năm 2020, doanh thu thuần chỉ đạt 78% so với năm 2019 và không đạt kế hoạch đề ra, nguyên nhân là do đại dịch Covid đã làm ảnh hưởng mạnh đến lĩnh vực dịch vụ du lịch. Các mảng dịch vụ ăn uống, nhà hàng doanh số không đạt chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên doanh thu của Khu du lịch Trà Sư lại tăng đáng kể, tăng 53% so với năm 2019, vượt kế hoạch 6,5%. Điều này đã đánh dấu sự thành công cho Du lịch An Giang trong việc đầu tư và khai thác mảng du lịch sinh thái.



Chợ nổi Trà Sư



Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Nguyên Chủ tịch Quốc hội (bên phải) và Bà Võ Thị Ánh Xuân – Phó chủ tịch nước có chuyên tham quan Rừng Tràm Trà Sư giữa tháng 3-2021



Cầu tre trong Rừng Trà Trà Sư – Xác lập kỷ lục dài nhất Việt Nam



Cầu Kiều tại Rừng Trà Trà Sư



KHÁCH SẠN CỬU LONG

21 Nguyễn Văn Cung, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN ĐÔNG XUYÊN

Số 9A Lương Văn Cù, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang



KHÁCH SẠN LONG XUYÊN

19 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

SAO MAI RESORT CHÂU ĐỐC

Tân Lộ Kiều Lương, P.Núi Sam,
TP.Châu Đốc, tỉnh An Giang



3.1.4 Công ty Cổ phần Nhựt Hồng

- Địa chỉ : Tòa nhà VCCI, tầng 04, 12 Hòa Bình, P.An Cư, Q.Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 3600648648 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/08/2003. Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 07/07/2017 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cần Thơ.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Nguyệt Thu – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng; Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Nhựt Hồng (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
80.000.000.000	167.991.740.000	60


Đây là đơn vị đang thực hiện dự án Khu dân cư phía đông quốc lộ 1A (Khu A) - xã Lý Văn Lâm - Thành phố Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, với quy mô dự án là 44,47 ha. Trong quá trình thực hiện dự án thì doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và đã mời gọi Sao Mai tham gia góp vốn thực hiện dự án. Bằng kinh nghiệm của mình, Sao Mai nhận thấy dự án có một số điểm thuận lợi mà các dự án nếu đầu tư mới không có như: cách trung tâm thành phố Cà Mau 2 km về hướng Nam, giao thông thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy (đường Nguyễn Tất Thành ở phía Tây, đường Vành đai theo quy hoạch chung thành phố Cà Mau ở phía Bắc và sông Gành Hào ở phía Đông khu vực quy hoạch). Vì vậy, Sao Mai đã quyết định góp vốn cùng Công ty Nhựt Hồng thực hiện dự án. Hiện nay dự án đã hoàn thiện phân hạ tầng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kinh doanh tốt.



Phối cảnh Khu đô đi mới Nhựt Hồng

3.1.5 Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế (MIF Corp)



- Logo : 
- Địa chỉ : số 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập : theo giấy CNĐKKD số 1601388847 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18/08/2010 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 03/12/2020.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Trường– Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổ chức sự kiện, tổ chức hậu kỳ; Quảng cáo thương mại; Đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân,...; Bồi dưỡng và cung ứng nguồn lao động
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào MIF (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
18.000.000.000	11.510.000.000	63,94

✓ Tình hình chung:

Công ty CP Đầu tư Tài chính và Truyền thông Quốc tế (MIF) hoạt động trong lĩnh vực truyền thông; tổ chức sự kiện; Tư vấn du học; Dịch vụ đưa người đi lao động ở nước ngoài....

MIF đã liên kết với các Trường Cao đẳng nghề trong và ngoài tỉnh An Giang đào tạo chuyên môn theo chuẩn giáo trình của Bộ LĐ-TB-XH và Bộ GD&ĐT. Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ của Công ty sẽ dạy ngoại ngữ Nhật - Trung - Hàn đạt trình độ phổ thông cho các ứng viên. Đồng thời MIF sẽ trang bị kỹ năng sống, trau dồi kiến thức văn hóa ứng xử - làm việc để các tu nghiệp sinh dễ dàng hòa nhập với môi trường sống ở nước sở tại. MIF có ký túc xá và nhà ăn tập thể tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên làm quen với cách thức sinh hoạt nhóm và kỷ luật học tập.

Thời gian tới, ngoài cung ứng lao động, MIF còn thực hiện tư vấn du học đến nhiều quốc gia có nền giáo dục hiện đại: Singapore, Mỹ, Úc, Hà Lan, Thụy Sĩ, Anh, Đức, Pháp....

Bước đầu, MIF hướng đến Nhật Bản - nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới, đất nước có trình độ tối ưu về phát triển khoa học kỹ thuật, đặc biệt là văn hóa ứng xử văn minh, lịch lãm. Hiện MIF đã thành lập Văn phòng đại diện tại Tokyo để làm đầu mối liên lạc, hỗ trợ mọi thông tin và giải đáp những vấn đề về thị trường lao động tại đây.

✓ Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020

Năm 2020, MIF đã đưa được hàng trăm Thực tập sinh (TTS) đi làm việc tại Nhật Bản. Phía đối tác cũng đánh giá cao về chất lượng đào tạo của công ty và nhiều đơn vị đã ký kết hợp tác lâu dài.

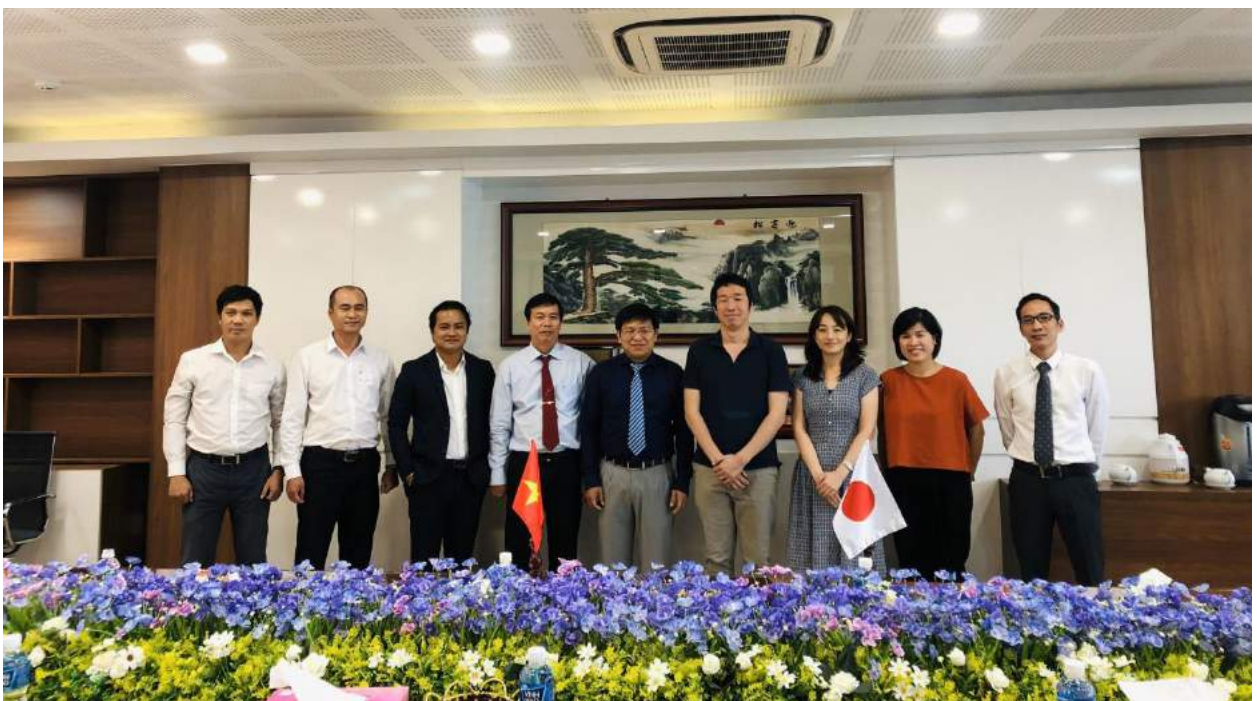
Nhật Bản đã có nhiều chính sách mới để thu hút lao động, giải quyết tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực trầm trọng tại chính quốc. Phía Công ty cũng có kế hoạch tăng số lượng lao động đi làm việc tại Nhật khoảng 300 TTS. Để đạt hiệu quả trong thời gian tới, MIF tiếp tục duy trì và chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo học viên, tăng cường phối hợp với các địa phương đẩy

manh công tác xuất khẩu lao động. Bên cạnh đó, MIF sẽ mở rộng hợp tác với các xí nghiệp, nghiệp đoàn tại Nhật Bản có uy tín, trách nhiệm để cung ứng lao động, giúp mọi người có việc làm ổn định và thu nhập cao. Qua đó, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung.

Bên cạnh các hoạt động chính của Công ty, MIF cũng tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ tư vấn đưa người lao động làm việc nước ngoài cho đội ngũ tuyên truyền viên trên địa bàn TP. Long Xuyên và các huyện thị tỉnh An Giang.



Đại sứ quán Nhật đến thăm và làm việc tại MIF ngày 11/06/2020





Lễ khai giảng tu nghiệp sinh



Lễ phỏng vấn



Lễ đưa thực tập sinh sang Nhật làm việc ngày 20/10/2020



Ngày hội khởi nghiệp

3.1.6 Công ty TNHH Sao Mai Super Feed



- Logo:
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Website: www.saomaisuperfeed.com
- Thành lập ngày: 04/06/2014 theo giấy CNĐKKD số 1401976866 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16/12/2019.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn Anh – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản.
 - Xây dựng các công trình dân dụng.
 - Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Sao Mai Super Feed (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
400.000.000.000	400.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Super Feed được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản nhằm tận thu tất cả các sản phẩm phụ để nâng cao chuỗi giá trị con cá tra, hướng đến phát triển bền vững của Tập Đoàn.

Sao Mai Super Feed sẽ tiếp quản nhà máy sản xuất thức ăn hiện đại, hệ thống máy móc thiết bị nhập khẩu hoàn toàn từ Châu Âu, nạp liệu theo qui trình hoàn toàn tự động và khép kín với công suất 378.000 tấn/năm, gồm 7 dây chuyền, công suất mỗi dây chuyền 12 tấn/ giờ. Tổng vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Ở giai đoạn I, Nhà máy sẽ sản xuất thức ăn hỗn hợp cho cá tra và cá rô phi đạt tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 10300 – 2014.

Một mặt để từng bước chuẩn bị nguồn nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy chế biến thức ăn, Tập đoàn đã thực hiện “Dự án liên kết phát triển cây khoai mì trên vùng đất sản xuất kém hiệu quả”. Tập đoàn hỗ trợ nông dân về cây giống, vật tư và bao tiêu sản phẩm. Theo kế hoạch đến 2022, diện tích KM140 sẽ được Tập đoàn phát triển mạnh khoảng 5.000 ha trải dài qua 2 huyện Tịnh Biên và Tri Tôn của vùng Bảy Núi. Dự án sẽ là giải pháp tối ưu để hỗ trợ nông dân chuyển đổi, phát triển sản xuất tại những vùng đất trồng lúa không hiệu quả và chưa được đầu tư công trình thủy lợi, đồng thời sẽ giải quyết một phần nguyên liệu đầu vào cho nhà máy chế biến thức ăn.



Ngày 17/01/2020, Sao Mai Super Feed danh dự được nhận giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu



Khách hàng đến thăm nhà máy thức ăn



3.1.7 Công Ty TNHH Sao Mai Solar



- Logo : **Sao Mai Solar**
Go Green
- Địa chỉ : 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 24/06/2017 theo giấy CNĐKKD số 1602043789 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29/08/2019.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Tuấn Anh – Tổng Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Xây dựng các công trình dân dụng.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Sao Mai Solar	Tỷ lệ lợi ích (%)
20.000.000.000	20.000.000.000	100

Công ty TNHH Sao Mai Solar được thành lập với 100% vốn góp từ Sao Mai. Hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng sạch. Công ty chuyên lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Trong năm 2017, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, mở đầu là lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho các hộ dân, công ty,...

Kết quả kinh doanh 2020 đã vượt xa kế hoạch, tổng doanh thu là 199 tỷ đồng tăng 300% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế 21,7 tỷ đồng, tăng 221% so với kế hoạch.

Trong năm 2020, Sao Mai Solar thực hiện một số dự án NLMT như:

- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở Nhà Máy Nước Uống Thiên Nhiên An Hảo (530kWp).



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở Khách sạn Đông Xuyên-An Giang (50kWp).



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT cho công ty Đại Toàn Phát tỉnh Bình Dương (9,7MWp).



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở cụm công nghiệp Lấp Vò Đồng Tháp (4.23MWp).



Kho Trisedco



Kho AFO (Dầu cá)



Kho 3



Kho 4



Kho 2A-2B

- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở **Hòn Đất Kiên Giang (2.3MWp)**.



- Dự án lắp đặt các hệ thống NLMT ở **Nước mắt Hương Giang (578.5kWp)**.



3.1.8 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI:



- Logo :
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/07/2003 theo Giấy CNĐKKD số 0303141296 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 19, ngày 25/11/2019 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Chung – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Mua bán chế biến thủy hải sản
 - Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
 - Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông; Kinh doanh nhà; Kinh doanh khách sạn.
 - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất;
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào IDI (VND) (*)	Tỷ lệ lợi ích (%)
2.276.446.080.000	997.398.163.912	51,23

- Tình hình chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI sở hữu Nhà máy chế biến cá tra đông lạnh xuất khẩu với công suất lên 600 tấn nguyên liệu/ngày, được đầu tư dây chuyền thiết bị hiện đại, nhập khẩu từ các nước Châu Âu, sản phẩm của IDI luôn khẳng định chất lượng của mình trên thị trường. Bên cạnh việc duy trì tốt các thị trường lớn hiện có như: EU, Brazil, Colombia, Hoa Kỳ và Trung Quốc... IDI liên tục xúc tiến mở rộng các thị trường tiềm năng mới như Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, Các nước Đông Âu... Vùng nuôi liên kết của Công ty không ngừng được mở rộng, hiện nay khoảng 300ha, chủ động đến 90% nguyên liệu cho 3 nhà máy chế biến.

Trong năm 2020, ngoài nắm giữ vị trí cao trong Bảng xếp hạng VNR500 thì IDI còn đạt được nhiều danh hiệu khác như: Top 500 DN tăng trưởng bền vững xuất sắc; Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam; Top 10 Công ty thực phẩm uy tín năm 2019. Và đặc biệt là top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

- Tình hình kinh doanh 2020

Đại dịch covid-19 bùng phát ngay từ những ngày đầu năm 2020 tại Trung Quốc khiến Công ty phải nhanh chóng lập kế hoạch chuyển dịch các đơn hàng sang các quốc gia khác và tiếp tục quan sát các động thái chống dịch của Trung Quốc. Khi Trung Quốc thông báo dần kiểm soát được dịch và mở cửa giao thương hàng hóa trở lại thì phần còn lại của Thế giới, các quốc gia khác lần lượt thông báo tình trạng vượt kiểm soát của virus Corona và bắt đầu ban bố tình trạng phong tỏa toàn quốc để ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

Chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh covid-19 nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty IDI năm 2020 giảm mạnh so với những năm gần đây. Tuy nhiên Công ty đã vận dụng linh hoạt các biện pháp vừa chống dịch an toàn, hiệu quả, vừa duy trì sản xuất kinh doanh, vừa bán được hàng nên Công ty vẫn đạt được những kết quả tích cực. Mặc dù kết quả kinh doanh không đạt như kế hoạch đầu năm 2020 đã đề ra nhưng đó là một tín hiệu vô cùng đáng mừng vì Công ty đã đưa ra những phương án tối ưu và hợp lý nhất để vừa có thể phòng chống dịch bệnh an toàn mà vẫn duy trì được hoạt động sản xuất, giúp ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên và công nhân trong nhà máy.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu trong năm 2020

STT	CHÂU LỤC	DOANH THU (USD)	TỶ LỆ (%)
1	CHÂU MỸ	20.294.180	23%
2	CHÂU Á	60.261.429	67%
3	CHÂU ÂU	4.772.687	5%
4	CHÂU PHI	1.870.972	2%
5	CHÂU ÚC	2.852.424	3%
	Tổng	90.051.692	100%







Nhà máy đông lạnh số 1 hoạt động từ năm 2005 với công suất là 300 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày



Tháng 05/2016, Nhà máy số 2 đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ



Kho lạnh số 3 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm






Nhiều doanh nghiệp (Bi) tìm hiểu, ký kết hợp tác với Công ty IDI



3.1.9 Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản (Trisedco):



- Logo : 
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600895650 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp ngày 15/03/2008, đăng ký thay đổi lần 20 ngày 29/07/2019.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Lâm – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm thủy sản.
 - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Trisedco (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
460.054.130.000	15.000.000.000	43,95



Bột cá



Mỡ cá



Vây cá



Bong bóng cá



Bao tử cá

Trisedco được thành lập vào năm 2008, chính thức lên sàn giao dịch từ ngày 27/10/2015 với mã chứng khoán DAT.

Trisedco được biết đến là doanh nghiệp chế biến bột cá tra lớn nhất nước với nhà máy công suất hiện tại 450 tấn nguyên liệu/ngày, nguồn nguyên liệu chính là phụ phẩm cá tra (như đầu, xương, thịt vụn, nội tạng,...). Năm 2019, Công ty đã xây dựng thêm kho chứa thành phẩm lên 5.000 tấn.

Thị trường xuất khẩu chính của Trisedco hiện nay là: Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc. Ngoài ra Trisedco còn là nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm bột cá, mỡ cá uy tín và chất lượng cho thị trường nội địa tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2015 Trisedco đã sở hữu Nhà máy tinh luyện Dầu cá Cao cấp Sao Mai (diện tích gần 4ha) tại xã Bình Thành, huyện Lập Vò (Đồng Tháp) với công suất 200 tấn nguyên liệu/ngày, tổng kinh phí trên 500 tỷ đồng. Nhà máy được trang bị các thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Châu Âu Desmet. Dầu cá được sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế FSSC tự động hóa hoàn toàn. Đây là Nhà máy đầu tiên trên thế giới sản xuất dầu thực phẩm từ mỡ cá tra làm nguyên liệu đầu vào cho thực phẩm và hóa phẩm.

Kết quả kinh doanh 2020, tổng doanh thu là 2.159 tỷ đồng tăng 8%, lợi nhuận sau thuế 52 tỷ đồng tăng 29% so với kế hoạch. Kết quả này đã đưa Trisedco thống lĩnh vị trí Top đầu doanh nghiệp sản xuất bột cá, mỡ cá lớn nhất Việt Nam.

Trisedco đạt được kết quả khả quan nhờ Công ty thực hiện tốt các giải pháp kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào, các định mức sản xuất, cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, đặc biệt xúc tiến thương mại mở rộng thị trường: Thái Lan, Nhật, Hàn Quốc, Malaysia,...

Theo kế hoạch năm 2021, Trisedco sẽ hoàn thiện lò hơi có công suất 12 tấn hơi/giờ và hoàn thiện dây chuyền sản xuất bột nêm làm từ đầu xương cá Tra để nhanh chóng đưa ra thị trường tiêu thụ nhằm đa dạng hóa mặt hàng.



Dây chuyền công nghệ đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 9001 – 22000 của công ty Trisedco.

3.1.10 Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính (ASTAR)



- Logo:
- Địa chỉ: số 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 12/10/2000. Đăng ký thay đổi lần 11 ngày 25/07/2017.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh Duy – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Astar (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
120.000.000.000	8.660.000.000	53,83

✓ Tiền thân của Công ty Astar là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Kiến trúc An Giang. Trong những năm qua, Astar đã thực hiện nhiều thiết kế công trình; Lập nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát, quản lý dự án, ...do Sao Mai làm chủ đầu tư.

✓ Doanh thu từ các sản phẩm tư vấn thiết kế năm 2020 đạt hơn 23 tỷ đồng, mang lại lợi nhuận cho công ty hơn 1.7 tỷ đồng.

✓ Một số phối cảnh Astar đã thực hiện năm 2020:





Phối cảnh đài nước trong Khu du lịch Điện mặt trời An Hào



Phối cảnh Nhà hàng, tiệc cưới Vũng Tàu



Phối cảnh Quán Ong - Trà Su



Phối cảnh Cầu Kiều – Phòng bán vé Trà Su

3.1.11 Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An

- Địa chỉ: Khu D, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1101877021 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 16/03/2018. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/01/2019.
- Đại diện theo pháp luật: Lê Tuấn Anh – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính: Điện mặt trời
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Europlast Long An (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
300.000.000.000	402.500.000.000	76,67%

Công ty CP Điện mặt trời EuroPlast Long An là chủ đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An. Dự án này có công suất nhà máy 50MW, xây dựng trên diện tích 58,6ha. Sau 6 tháng triển khai thần tốc, dự án điện Long An cũng được đấu nối ngày 10/06/2019 và được hưởng mức giá bán điện ưu đãi 9,35 cent/kWh.



Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An tại xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An

3.1.12 Cổ phần Phát triển Bóng Đá Đồng Tháp



- Logo :
- Địa chỉ : Số 140 Lê Duẩn, P.Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập: theo giấy CNĐKKD số 1401993195 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/12/2014. Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 25/09/2017.
- Đại diện theo pháp luật : Trần Lâm Vũ – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Hoạt động của các lạc bộ thể thao
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
 - Quảng cáo
 - Giáo dục thể thao và giải trí
 - Hoạt động thể thao khác.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số tiền Sao Mai đã đầu tư vào Bóng đá Đồng Tháp (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)
24.500.000.000	2.000.000.000	8,16

3.2. Tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết:

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Tổng tài sản
1	Cty Dũng Thịnh Phát	18	14	34.500	49.575
2	Cty Du Lịch Đồng Tháp	48.033	1.744	80.035	123.500
3	Cty Du Lịch An Giang	70.283	9.865	112.054	256.689
4	Cty CP Nhựt Hồng	117.398	49.560	80.000	523.495
5	Cty Truyền thông Quốc tế MIF	13.680	186	13.600	14.466
6	Cty TNHH Sao Mai Super Feed	1.764.196	144.671	400.000	873.292
7	Cty TNHH TM Sao Mai Solar	199.481	17.341	20.000	283.328
8	Cty IDI (riêng)	4.183.324	53.529	2.276.446	6.363.091
9	Cty Trisedco	2.159.885	51.920	460.054	1.639.166
10	Cty CP tư vấn và đầu tư tài chính - Astar	23.546	1.744	52.168	58.642
11	Cty CP điện mặt trời Europlast Long An	176.353	68.825	300.000	1.025.996

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẬP ĐOÀN

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019
	a	b	c	d	$e = (d-c)/c \cdot 100\%$
1	Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	15.596	17.605	13%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	14.224	12.525	-12%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	806	622	-23%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	872	624	-28%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	823	572	-30%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	2.509	1.837	-27%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (BCTC hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,15	1,27	
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,71	0,81	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,61	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,47	1,56	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,93	3,76	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,91	0,71	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,8%	4,6%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,1%	8,3%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,3%	3,3%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,7%	5,0%	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành theo danh sách chốt ngày 30/03/2020: **258.867.849 cổ phần**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **258.867.849 cổ phần**

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
A	Phân theo cổ đông trong nước và ngoài nước	13.165	258.867.849	100,0%
I	Cổ đông trong nước	13.024	255.469.766	98,69%
1	Cổ đông là cá nhân	12.979	250.564.237	96,79%
	<i>HDQT, Ban TGD, KTT, BKTNN</i>	12	68.375.541	26,41%
2	Cổ đông là pháp nhân	45	4.905.529	1,89%
II	Cổ đông nước ngoài	141	3.398.083	1,31%
1	Cổ đông là cá nhân	116	959.877	0,37%
2	Cổ đông là pháp nhân	25	2.438.206	0,94%
B	Phân theo tỷ lệ sở hữu	13.165	258.867.849	100,00%
I	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5	119.708.291	46,24%
1	Cổ đông trong nước	5	119.708.291	46,24%
2	Cổ đông nước ngoài			
II	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	13.160	139.159.558	53,76%
1	Cổ đông trong nước	13.019	135.761.475	52,44%
2	Cổ đông nước ngoài	141	3.398.083	1,31%

(*) là tỷ lệ cổ phần của từng loại cổ đông trên tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

– Chi tiết cổ đông lớn:

STT	Họ và tên	CMND	Chức vụ tại cty	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	TV.HĐQT - TGD	49.986.486	19,31%
2	Lê Tuấn Anh	352242478		29.154.839	11,26%
3	Lê Thị Nguyệt Thu	351592182	CT.HĐQT	13.808.375	5,33%
4	Võ Thị Thanh Tâm	351343854		13.459.810	5,20%
5	Lê Thị Thiên Trang	351916791		13.298.781	5,14%
	Tổng Cộng			119.708.291	46,24%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần tăng vốn đầu tư chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- **Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 905.000.000 đồng lên 2.520.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/1997/NQ-HĐCĐ ngày 27/11/1997.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 12 năm 1997.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
 - Số lượng phát hành: 80,75 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 2.520.000.000 đồng lên 25.200.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2000/NQ-HĐCĐ ngày 31/12/2000.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2001.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
 - Số lượng phát hành: 1.134 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 25.200.000.000 đồng lên 32.820.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2004/NQ-HĐCĐ ngày 14/05/2004.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2004.
 - Đối tượng và tỷ lệ phân phối: thỏa thuận giữa các cổ đông sáng lập theo tỷ lệ sở hữu.
 - Số lượng phát hành: 381 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 32.820.000.000 đồng lên 49.563.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/NQ-SM ngày 01/08/2007.

Tổng số lượng phát hành: 1.718.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

Phát hành cho người lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người lao động trong Công ty)

 - Số lượng phát hành: 164.000 cổ phần (tương đương 1,64 tỷ đồng mệnh giá).
 - Ngày chốt danh sách: 15/10/2007.
 - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo danh sách do HĐQT phê duyệt.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Ngày phát hành: 24/10/2007.

Phát hành lần đầu ra công chúng theo hình thức đấu giá:

 - Số lượng phát hành: 1.510.300 cổ phần (tương ứng 15,103 tỷ đồng mệnh giá).
 - Ngày phát hành: 24/10/2007.
 - Ngày bắt đầu chào bán: 24/10/2007.
 - Ngày kết thúc chào bán: 05/12/2007.
 - Giá trung bình quân làm tròn: 104.000 đồng/cổ phần.

- Thời hạn đăng ký mua: Từ ngày 24/10/2007 đến ngày 05/11/2007.
 - Thời gian thanh toán tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 14/11/2007 đến ngày 05/12/2007.
 - Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 20/12/2007.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 49.563.000.000 đồng lên 99.126.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ số 02/2009/NQ-ĐHCĐ ngày 16/10/2009.
 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1.
 - Ngày phát hành: Từ 14/11/2009 đến 21/11/2009.
 - Số lượng phát hành: 4.956.300 cổ phần.
 - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.
 - **Tăng vốn lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 99.126.000.000 đồng lên 397.362.020.000 đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ số 31/NQ-ĐHCĐBT/2010 ngày 07/11/2010.

Tổng số lượng phát hành: 29.823.602 cổ phiếu. Trong đó:

Phát hành 29.328.802 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

 - Thưởng 9.912.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được thưởng 1 cổ phần mới) từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối;
 - Chào bán 19.416.202 cổ phiếu:
 - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền;
 - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - Tỷ lệ chào bán: 1:2 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 02 cổ phiếu mới);
 - Ngày phát hành: 16/3/2011.

Phát hành 494.800 cổ phần (tương đương 4,99% vốn điều lệ hiện tại) cho CBCNV của Công ty, cụ thể:

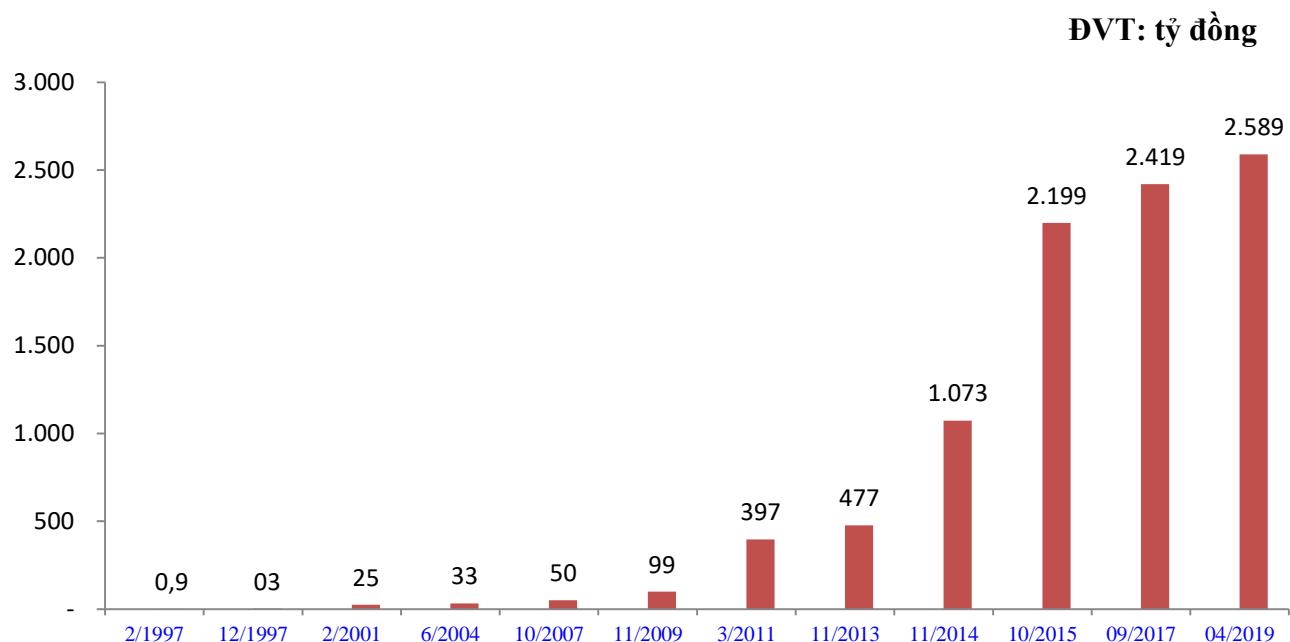
 - Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông;
 - Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần;
 - Ngày phát hành: 16/3/2011.
 - **Tăng vốn lần 7:** Tăng vốn điều lệ từ 397.362.020.000 đồng lên 476.834.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ số 02/BB-ĐHCĐ/2013 ngày 14/09/2013.
 - Mục đích: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 theo tỉ lệ 5:1 từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối.
 - Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - Ngày phát hành: Quý 4/2013.
 - Số lượng phát hành: 7.947.238 cổ phần.
 - **Tăng vốn lần 8:** Tăng vốn điều lệ từ 476.834.400.000 đồng lên 1.072.877.400.000 đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 17/05/2014.

Tổng số lượng phát hành: 59.604.300 cổ phiếu. Trong đó:

- * Phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:
 - + Số lượng phát hành: 9.536.688 cổ phiếu
 - + Tỷ lệ thực hiện: 20%/vốn điều lệ
 - + Nguồn thực hiện: Thặng dư vốn cổ phần
 - + Ngày phát hành: 01/10/2014.
- * Phát hành cho cổ đông hiện hữu:
 - + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.
 - + Số lượng phát hành: 47.683.440 cổ phiếu
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - + Ngày phát hành: 24/11/2014.
- * Phát hành cho cán bộ công nhân viên
 - + Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM đính kèm theo Nghị quyết HĐQT;
 - + Số lượng phát hành: 2.384.172 cổ phiếu
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - + Ngày phát hành: 24/11/2014.
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng vốn điều lệ từ 1.072.877.400.000 đồng lên 2.199.398.670.000 đồng (phát hành tăng vốn đợt 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 29/03/2015)
 - Tổng số lượng phát hành: 112.652.127 cổ phiếu. Trong đó:
 - * Phát hành để trả cổ tức 2014:
 - + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - + Số lượng phát hành: 5.364.387 cổ phiếu
 - + Tỷ lệ thực hiện: 5%/vốn điều lệ
 - + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 - + Ngày phát hành: 10/08/2015.
 - * Phát hành cho cổ đông hiện hữu:
 - + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu được hưởng quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua.
 - + Số lượng phát hành: 107.287.740 cổ phiếu
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - + Ngày phát hành: 25/09/2015.
- **Tăng vốn lần 10:** Tăng vốn điều lệ từ 2.199.398.670.000 đồng lên 2.419.338.530.000 đồng (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 và 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2017 ngày 05/05/2017)

- + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - + Tổng số lượng phát hành: 21.993.986 cổ phiếu. Trong đó:
 - . Cổ tức năm 2015 là: 5%/vốn điều lệ
 - . Cổ tức năm 2016 là: 5%/vốn điều lệ
 - + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 - + Ngày phát hành: 26/09/2017.
- **Tăng vốn lần 11:** Tăng vốn điều lệ từ 2.419.338.530.000 đồng lên 2.588.678.490.000 đồng (phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 26/04/2018)
 - + Đối tượng được chia cổ tức là: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
 - + Tổng số lượng phát hành: 258.867.849 cổ phiếu. Trong đó:
 - . Cổ tức năm 2017 là: 5%/vốn điều lệ
 - . Cổ tức đợt 1 năm 2018 là: 2%/vốn điều lệ
 - + Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
 - + Ngày phát hành: 19/04/2019.

Biểu đồ tăng trưởng vốn



4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

5. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2020 công ty không có phát hành các chứng khoán khác và cũng không có các loại chứng khoán khác đang lưu hành.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng được quan tâm, vấn đề môi trường được coi là một vấn đề quan trọng tác động tới tiến trình phát triển bền vững hiện nay trên toàn thế giới. Các hoạt động gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường ngày càng bị lên án, người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường...

Nhận thức được tình hình trên, bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động, Sao Mai luôn quan tâm đến môi trường và chọn những giải pháp tối ưu để bảo vệ môi trường.

1. Tác động lên môi trường

Phát triển điện năng lượng mặt trời giúp giảm phát thải khí CO₂, giảm phát thải nhà kính. Hiện nay Tập đoàn đã đầu tư thành công Nhà máy Điện mặt trời Sao Mai An Giang có tổng công suất 210 MWp và nhà máy điện mặt trời Long An 50Mwp. Ước tính mỗi năm sẽ đóng góp cho lưới điện quốc gia hơn 400 triệu kWh mỗi năm, tương đương giảm phát 52.000 tấn khí thải CO₂.

2. Tiêu thụ năng lượng và nước

Công ty chỉ sử dụng nước trong sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên, chăm sóc cây cảnh... Công ty luôn quan tâm thực hiện chính sách tiết kiệm, thường xuyên nhắc nhở cán bộ nhân viên sử dụng đúng, đủ lượng nước theo nhu cầu, không lãng phí.

Trong văn phòng làm việc, Sao Mai luôn lựa chọn sử dụng những thiết bị tiết kiệm điện, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty còn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng để đảm bảo việc sử dụng năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra.

Đối với nhà máy sản xuất, công ty lắp đặt hệ thống Điện mặt trời trên nóc nhà máy nhằm tận dụng được nguồn năng lượng sạch, giảm hơn 20% chi phí tiền điện mỗi năm cho công ty.



Hệ thống điện mặt trời của Nhà máy đông lạnh thủy sản số 1 do Tập đoàn Sao Mai lắp đặt

3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với lĩnh vực xây dựng và bất động sản, trước khi thực hiện dự án, Công ty đều có báo cáo thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Đồng thời, khi thực hiện dự án, Công ty ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng có giải pháp tốt và cam kết thực hiện các biện pháp tối ưu để bảo vệ môi trường.

4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tổng số lao động của Tập đoàn Sao Mai tính bình quân năm 2020 là trên 12.000 người. Mức lương trung bình của người lao động từ 10 đến 30 triệu đồng/tháng.
- Định kỳ hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe cho người lao động. Nghiêm cấm tất cả cán bộ công nhân viên hút thuốc và có chế tài xử lý nếu CBCNV vi phạm nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động của công ty.
- Công ty có chính sách khen thưởng cho CBCNV có nhiều thành tích đóng góp cho Công ty.
- Công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ cho các bộ phận chuyên môn tham gia các buổi tập huấn, các lớp chuyên đề, hội thảo... về thuế, kế toán, chứng khoán,....
- Công ty có chính sách đào tạo đội ngũ lãnh đạo chủ chốt thông qua các lớp học phát triển kỹ năng, chuyên môn trong nước và nước ngoài.
- Ngoài ra Công ty còn có chính sách ưu đãi cho CBCNV mua nền trả góp.

5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

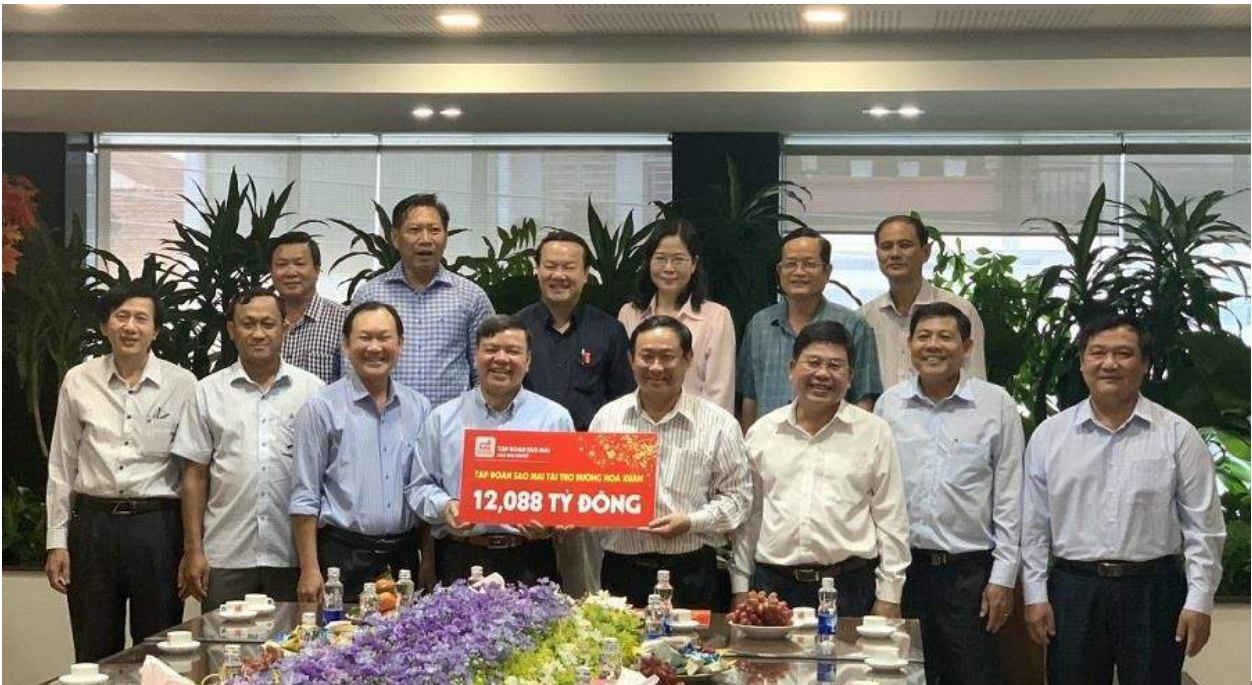
Nhiều năm qua, Tập đoàn Sao Mai luôn dẫn đầu trong phong trào chăm lo đời sống cho cộng đồng với nhiều chương trình như: Sao Mai ăn tết người nghèo; đóng góp vào Quỹ khuyến học - khuyến tài, Quỹ tiếp sức tài năng trong và ngoài tỉnh; tài trợ học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tặng tivi cho trường học ở các địa phương khó khăn, tài trợ cho đồng bào bị lũ lụt; hỗ trợ kinh phí cho một số bệnh nhân, cán bộ công nhân viên của Tập đoàn mắc bệnh hiểm nghèo có điều kiện điều trị tốt hơn ... Thông qua việc thực hiện hàng loạt chính sách ASXH, Tập đoàn Sao Mai đã góp phần đem lại sự ổn định về tinh thần lẫn vật chất cho mỗi gia đình...

Đặc biệt năm 2020 Tập đoàn đã tài trợ cho Công an tỉnh An Giang 2 xe chuyên dụng thực hiện mô hình cấp cứu người bị tai nạn giao thông.

Mừng Xuân Tân Sửu, Tập đoàn Sao Mai lại tiếp tục thể hiện “nghĩa đồng bào” đến khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, vươn ra khúc ruột miền Trung tang thương vì bão lũ. Với tổng kinh phí hơn 20 tỷ đồng, tăng gần 50% so với năm trước; Sao Mai đã tài trợ trên 10.000 phần quà, tài trợ kinh phí bắn pháo hoa mừng xuân Tân Sửu, hơn 12 tỷ đồng để chỉnh trang các đô thị: Long Xuyên, Châu Đốc, Châu Thành, Châu Phú, Chợ Mới, Tân Châu và một số địa phương tỉnh Đồng Tháp, Thanh Hóa.



Tập đoàn Sao Mai chi hỗ trợ đồng bào Miền Trung



Ngày 19/01/2021, Tập đoàn Sao Mai tổ chức chương trình tài trợ an sinh xã hội năm 2021



C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Năm 2020 đầy biến động và khó khăn đối với đời sống kinh tế - xã hội bởi đại dịch Covid-19 và thiên tai diễn biến cực đoan, tuy nhiên Tập đoàn Sao Mai cũng đã mạnh mẽ vượt qua những khó khăn thách thức, mặc dù kết quả kinh doanh không đạt như kế hoạch, nhưng cũng đánh dấu sự nỗ lực đáng ghi nhận của Tập đoàn.

Với doanh thu thuần hợp nhất hơn 12.524 tỷ đồng, bằng 88% so với năm 2019 và 85% so với kế hoạch đề ra. Trong đó BĐS chiếm tỉ trọng 3,7%, sản xuất và thương mại chiếm 88,9%, dịch vụ chiếm 1,6%, xây dựng chiếm 1,7% và điện mặt trời chiếm 4,1%.

Về lợi nhuận sau thuế, Tập đoàn thu về 572,5 tỷ đồng, bằng 69,5% so với năm 2019 và đạt 66% so với kế hoạch.

Riêng về kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty mẹ - Sao Mai, doanh thu thuần đạt 4.306 tỷ đồng, bằng 98,2% so với năm 2019 và lợi nhuận sau thuế đạt 509 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2019.

1.1. Về lĩnh vực Bất động sản:

Năm 2020 doanh thu thuần bất động sản đạt hơn 459,7 tỷ đồng, giảm 24,6% so với kết quả kinh doanh năm 2019, và đạt 60% so với kế hoạch.

Chi tiết doanh thu thuần một số dự án tiêu biểu của Sao Mai như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Tên Dự Án	Doanh Thu Thuần
1	Khu dân cư Bình Khánh 3 (ba)	12,28
2	Khu dân cư Bình Khánh 5 (năm)	105,10
3	Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	73,77
4	Khu Dân Cư TTTM Lấp Vò	9,18
5	Khu dân cư Ngọc Hầu (Châu Đốc)	26,28
6	KDC Xuân Thịnh & Thọ Dân, Triệu Sơn, Thanh Hoá	63,88
7	Khu dân cư Huyện Tri Tôn	22,89
8	Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên	18,81

Tình hình khai thác cụ thể các dự án Bất động sản của Tập đoàn tính đến ngày 31/12/2020:

Diễn giải	Theo dự án			Đã bán			Còn lại		
	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m ²)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m ²)	Đất nền		Đất kinh doanh khác (m ²)
	Số nền	Diện tích (m ²)		Số nền	Diện tích (m ²)		Số nền	Diện tích (m ²)	
Khu dân cư Bình Khánh 3	2.564	250.832	4.950	2.466	236.166		98	14.666	4.950
Khu dân cư Bình Khánh 5	1.234	135.575	8.593	1.134	113.539		100	22.036	8.593
Khu dân cư Phú Hòa	295	21.698		295	21.698		0	0	0
Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	1.031	105.392	10.400	997	100.372,6		34	5.019	10.400
Khu dân cư Châu Đốc	53	2.185		53	-		0		0
Khu dân cư Ngọc Hầu	192	31.042		192	31.042		0	0	0
Khu dân cư Tịnh Biên	1.159	110.027	13.529	1.116	105.730,3		43	4.297	13.529
Khu dân cư Tri Tôn	1.069	107.177	24.925	962	98.014,6		107	9.162	24.925
Khu dân cư Hội An	230	29.447	24.925	230	29.447	20.661	0	0	4.264
Khu dân cư Tân Hiệp	364	41.863		364	41.863		0	0	0
Khu dân cư TTTM Lấp Vò	507	55.739	38.791	498	54.794	31.400	9	946	7.391
Khu dân cư Xuân Thịnh	1.484	201.635	19.991	837	132.476		647	69.160	19.991
Khu dân cư Cà Mau	1.529	156.078		752	52.255,8		777	103.822	0
Tổng	11.711	1.248.690	146.104	9.896	1.017.397	52.061	1.815	229.108	94.043

1.2. Về lĩnh vực Thủy sản:

Doanh thu thương mại thủy sản và thức ăn trên BCTC hợp nhất đạt 11.136 tỷ đồng, giảm 14,3% so với năm 2019, và giảm 16% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính từ ảnh hưởng của đại dịch Covid, xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Châu Âu bị sụt giảm.

1.3. Về lĩnh vực Xây dựng:

Năm 2020, doanh thu thuần hợp nhất của lĩnh vực xây dựng đạt 209,1 tỷ đồng, tăng 51% so với năm 2019 và cao gấp 2 lần so với kế hoạch đề ra. Doanh thu xây dựng tăng cao là do năm 2020 công ty Solar (công ty con của Sao Mai) có nhận thầu thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho các doanh nghiệp, các hộ dân.

Theo báo cáo riêng của Sao Mai, doanh thu xây dựng là 135 tỷ đồng, bằng 55% so với năm 2019. Nguyên nhân doanh thu xây dựng giảm là do trong năm 2020, Sao Mai không nhận thêm tổng thầu xây dựng, chỉ hoàn thành các công trình còn đang dở dang.

1.4 Về lĩnh vực Dịch vụ:

Doanh thu lĩnh vực dịch vụ, theo báo cáo tài chính hợp nhất đạt 203 tỷ đồng, giảm 20% so với năm 2019, tăng 20% so với kế hoạch đề ra.

Về công ty mẹ, Sao Mai đạt doanh thu dịch vụ là 40 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2019 và tăng 35% so với kế hoạch.

1.5 Về lĩnh vực điện mặt trời

Năm 2020, hai nhà máy điện mặt trời đã mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể.

DVT: tỷ đồng

Tên nhà máy	Doanh thu
Nhà máy Điện mặt trời Sao Mai xã An Hảo, huyện Tịnh Biên 104Mw (giai đoạn 1+2)	346,3
Nhà máy Điện mặt trời Europlast Long An tại xã Đức Hòa, huyện Đức Huệ Long An 50Mw	168,9
Tổng cộng	515,2

Dưới đây là bảng so sánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 (theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán) so với kế hoạch và năm trước:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2020		So sánh (%)	
		Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	TH 2020/TH 2019	TH 2020/KH 2020
Doanh thu thuần	14.224	14.700	12.525	88,1%	85,2%
Lợi nhuận sau thuế	823	870	572	69,5%	65,8%

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Về uy tín, Sao Mai đã khẳng định vị thế của Tập đoàn trên khắp cả nước. Các dự án của Sao Mai trải dài ở các tỉnh như An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bến Tre, TP.HCM, Hòa Bình, Thanh Hóa.... Sao Mai luôn được các lãnh đạo ban ngành các tỉnh đồng thuận và ủng hộ. Không những thế, Tập đoàn Sao Mai đã nâng tầm thương hiệu của mình vang xa đến các bạn bè Quốc Tế. Các hoạt động kinh doanh và dự án của Sao Mai được các tổ chức kinh tế thế giới quan tâm, đến viếng thăm và làm việc. Tiêu biểu những năm gần đây như: Tập đoàn Desmet Ballestra (Châu Âu); Đoàn lãnh đạo Thành phố Oss – Hà Lan; Tập đoàn Koyo (Nhật); Công ty Hanmi Global (Hàn Quốc); Công ty Eiki Shoji Corporation (Nhật Bản); Lãnh đạo Cơ quan Phát Triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID; Ban lãnh đạo Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ); Tập đoàn Siemens (CHLB Đức); Tập đoàn CJ (Hàn Quốc); Tập đoàn SKIOLD (Đan Mạch); Đoàn báo chí Đức

✓ Về tài chính, nhờ tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh vững vàng và uy tín trong mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đã tạo thuận lợi cho Sao Mai trong việc khai thác và huy động các nguồn vốn để thực hiện các dự án. Trong năm 2019 và 2020, gần 4.000 tỷ đồng của tổ chức tín dụng tài trợ cho Tập đoàn để hoàn thành hai Nhà máy điện mặt trời 210MWp tại xã An Hào, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang và Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An 50 Mwp tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

✓ Về nhân lực, Tập đoàn đã có một nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề. Đội ngũ lao động trẻ được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao là nhân tố quan trọng giúp Sao Mai phát triển vững chắc và toàn diện.

✓ Về công nghệ, Sao Mai không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại để xử lý công việc được nhanh chóng và tiện lợi, tiết kiệm thời gian và nâng cao năng suất lao động.



Sao Mai đứng vị trí thứ 4 trong TOP 10 Doanh nghiệp dẫn đầu năng lượng sạch Việt Nam 2020

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản:

- Năm 2020, Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai đạt 17.604 tỷ đồng, tăng 2.008 tỷ đồng, cao hơn 12,9% so với năm 2019.
- Trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn chiếm 9.282 tỷ đồng (# 52% tổng tài sản) và tài sản ngắn hạn chiếm hơn 8.321 tỷ đồng (# chiếm 48% tổng tài sản).
- Tổng tài sản của Tập đoàn Sao Mai năm 2020 tăng so với năm 2019, nguyên nhân chính là do trong năm 2020 Tập đoàn tiếp tục đầu tư giai đoạn 3+4 Nhà máy điện mặt trời An Hào 106MWp.

2. Nợ phải trả:

- Nợ phải trả của Tập đoàn Sao Mai là 10.732 tỷ đồng, tăng 1.438 tỷ đồng, tăng gần 15,5% so với năm 2019. Trong đó, Nợ ngắn hạn chiếm 6.533 tỷ đồng (# 60,9% tổng nợ phải trả), Nợ dài hạn chỉ có 4.198 tỷ đồng (# 39,1% tổng nợ phải trả)
- Nợ phải trả tăng so với năm 2019 là do tăng, giảm của nhiều yếu tố, trong đó nguyên nhân chính cũng từ việc đầu tư dự án điện mặt trời.
- Một số chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn	Năm 2019	Năm 2020
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,60	0,61
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,47	1,56

3. Hiệu quả sử dụng vốn:

Với mức lợi nhuận trên BCTC hợp nhất năm 2020 đạt 572 tỷ đồng, bằng 69,5% so với năm 2019. Chỉ số EPS 1.837 đồng/cổ phần, giảm 672 đồng/cổ phần so với năm 2019.

Đối với Công ty mẹ, tình hình kinh doanh phát triển ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 509,5 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2019.

Năm 2020 Tập đoàn đạt được những kết quả đáng chú ý như sau:

STT	Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Nhận xét 2020 so với 2019
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.302	6.865	Tăng 8,94%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.589	2.589	Giảm 0%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	14.224	12.525	Giảm 11,95%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	823	572	Giảm 30,47%
5	Lợi nhuận sau thuế/một cổ phần	đồng/cổ phần	2.509	1.837	Giảm 26,78%

III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Bộ máy hoạt động đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả;
- Một số bộ phận thực hiện khoán lương theo sản phẩm bước đầu đã phát huy tác dụng. Ngoài ra, Sao Mai còn tăng cường chế độ khen thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Việc thực hiện phân quyền các bộ phận chuyên môn đã phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị trong công việc góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

IV.1. KẾ HOẠCH CỦA RIÊNG CÔNG TY SAO MAI

Chỉ tiêu kế hoạch của công ty năm 2021 như sau:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch kinh doanh cho từng lĩnh vực				
	BDS	Thủy sản	Xây dựng	Dịch vụ	Điện mặt trời
Doanh thu thuần	640	2.360	50	40	610

Sao Mai cho rằng lĩnh vực bất động sản, thủy sản, du lịch vẫn là các ngành tiềm năng của vùng nên Công ty sẽ tập trung phát triển mạnh trong thời gian tới. Bên cạnh đó, một lĩnh vực mới Sao Mai đang hướng đến đó là Năng lượng mặt trời, lĩnh vực được đánh giá là còn rất nhiều tiềm năng để phát triển trong tương lai. Định hướng cụ thể từng lĩnh vực như sau:

1. Bất động sản:

Hiện nay, Sao Mai có hơn 20 dự án trong định hướng phát triển của Tập đoàn. Tuy nhiên, tùy từng dự án mà Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty xem xét lựa chọn phương án phù hợp như tạo quỹ đất trước hay triển khai nhanh dự án nhằm giúp dự án mang lại hiệu quả cao nhất. Kế hoạch trong năm 2021, một số dự án bất động sản sẽ được ưu tiên thực hiện trước như: Khu đô thị mới Sao Mai Lam Sơn - Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa; Khu dân cư Sao Mai Tây Thị trấn Cái Dầu, Châu Phú, An Giang; Khu dân cư Sao Mai Bình Khánh 4, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang; Khu đô thị mới Sao Mai Tân Châu, P. Long Thạnh, TX. Tân Châu, v.v..



2. Thương mại thủy sản:

- Về xuất khẩu: Đối với cá tra đông lạnh xuất khẩu, Sao Mai không mở rộng kinh doanh, chỉ giao dịch với những khách hàng truyền thống, có mua bán với Sao Mai trước đây. Phát triển theo hướng chuyên môn hóa tập trung, công ty IDI – công ty thành viên của Sao Mai sẽ phát triển mở rộng lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra file đông lạnh.
- Đối với sản xuất và thương mại thủy sản, trong năm 2021 Tập đoàn vẫn duy trì vùng nuôi cá tra liên kết là 300ha, 90% sản lượng sản xuất của Nhà máy chế biến thức ăn được cung ứng cho vùng nuôi, phần còn lại bán cho khách hàng.
- Về đầu tư: Tiếp tục hỗ trợ các công ty thành viên trong kinh doanh cũng như phát triển công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến tiêu thụ, tạo ra chuỗi sản xuất khép kín cho giá trị kinh tế cao.

3. Xây dựng:

- Trong năm 2021, công ty tiếp cơ cấu lại ngành nghề, do đó Sao Mai chỉ tập trung hoàn thành các công trình đang dở dang. Sao Mai sẽ không nhận tổng thầu cho các công ty trong Tập đoàn, các công trình của Công ty nào làm chủ đầu tư sẽ do công ty đó trực tiếp đàm phán xây dựng. Tập đoàn chỉ tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.
- Các công trình dở dang dự kiến nghiệm thu trong năm 2021 như: Cải tạo một số hạng mục Cụm CN của IDI; Hạ tầng Khu dân cư Cà Mau của Công ty Nhựt Hồng; Thi công trụ sở Nhà máy thức ăn của Sao Mai Super Feed,...

4. Ngành dịch vụ:

Bên cạnh khai thác các dịch vụ sẵn có như Resort Sao Mai Bà Rịa Vũng Tàu, Khu cư xá Sao Mai và các văn phòng cho thuê,...Sao Mai tiếp tục tái cấu trúc lại Công ty CP Du lịch Đồng Tháp và Công ty CP Du lịch An Giang để khai thác tối đa tiềm năng của du lịch, xúc tiến nâng cấp, cải tạo các địa điểm du lịch như Đồi Túc Dục, Rừng Tràm Trà Sư, khai thác thêm địa điểm du lịch mới như Khu du lịch điện mặt trời An Hảo,... đưa lĩnh vực du lịch trở thành một trong những lĩnh vực chính của Tập đoàn.



Du lịch Nông trại điện mặt trời Sao Mai tại Tịnh Biên, An Giang



5. Năng lượng mặt trời

Công ty xác định điện năng lượng mặt trời (NLMT) là lĩnh vực chủ chốt mà công ty đang tập trung đầu tư. Hiện nay, Tập đoàn đã có 2 Nhà máy điện mặt trời An Hảo 210Mwp và dự án điện mặt trời Long An 50Mwp đang khai thác, Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai các dự án như Cụm Nhà máy điện mặt trời Sao Mai Đắc Nông 875Mwp (xã Ea Po, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông); Dự án Nhà máy điện mặt trời kết hợp trồng cây dược liệu 450 Mwp (xã Ea H’Leo, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk); Cụm dự án điện mặt trời Sao Mai Đồng Tháp...



Cuối tháng 9/2020 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông đến thăm và làm việc với lãnh đạo Tập đoàn Sao Mai

IV.1. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT CỦA SAO MAI NĂM 2021

Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn sẽ dựa vào kế hoạch kinh doanh của Sao Mai và các công ty con. Cụ thể một số công ty con có cơ cấu doanh số lớn như:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch 2021							
	IDI	Trisedco	Sao Mai Super Feed	Du lịch AG	Du lịch ĐT	Nhật Hồng	Europlast Long An	Sao Mai Solar
Doanh thu thuần	4.825	2.100	1.950	90	100	120	170	121
Lợi nhuận sau thuế	122	40	180	16	8	15	70	11

Từ những định hướng trên và nhận định về tình hình kinh tế năm 2021, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Sao Mai năm 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất		
	Thực hiện 2020	Kế hoạch KD 2021	%KH/TH
1. Doanh thu thuần	12.525	13.000	103,8%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	572	700	122,3%
3. Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	10% - 20%	

V. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.

Trong năm 2020, Sao Mai đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

2. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động.

Trong năm 2020, Sao Mai đã tuân thủ đúng quy định về An toàn lao động, không vi phạm chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty đều thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động...

Trong năm 2020, Sao Mai đã trao tặng 2 xe cứu thương để cấp cứu người bị bệnh, tặng tivi cho trường học ở vùng khó khăn, đóng góp quỹ an sinh xã hội, cứu trợ đồng bào bị lũ lụt, trao quà cho người nghèo ăn Tết tại các địa phương (TP Long Xuyên, huyện Thoại Sơn, Châu Thành, Châu Phú, An Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, thị xã Tân Châu), Hội người mù, Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn và trẻ mồ côi, Bệnh Viện Sản - Nhi An Giang, Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang, Hội nạn nhân chất độc da cam,... Bên cạnh đó, Tập đoàn Sao Mai còn chung tay với các chính quyền địa phương trang trí đường hoa xuân, chỉnh trang đô thị.



Lãnh đạo Bộ Công an, Công an tỉnh An Giang cùng Sao Mai tại lễ trao ô tô cứu thương.



D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN SAO MAI

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Hội đồng quản trị đánh giá cao về kết quả kinh doanh năm 2020 của Sao Mai. Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán thì Công ty đã đạt được những kết quả sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020		
	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	% TH so với KH
Doanh thu thuần	14.700	12.525	85%
Lợi nhuận sau thuế	870	572	66%

2. Tình hình đầu tư

- Với sự quyết tâm và nỗ lực liên tục, trong vòng 80 ngày Tập đoàn Sao Mai đã hoàn thành và đấu nối thành công Nhà máy điện mặt trời An hảo GD 3+4 ngày 02/12/2020. Chỉ trong 2 năm, Sao Mai đã sở hữu 2 Nhà máy điện mặt trời với công suất 260Mwp (An Hảo 210Mwp và Long An 50 Mwp), mang lại doanh thu hơn 500 tỷ đồng hàng năm.
- Đầu tư phát triển lĩnh vực du lịch cũng nằm trong kế hoạch chiến lược và định hướng tương lai của Tập đoàn. Trong năm 2020, mặc dù ngành dịch vụ du lịch chịu ảnh hưởng nhiều từ Đại dịch Covid, tuy nhiên Tập đoàn đã nhận thấy được tiềm năng của ngành sau khi dịch bệnh bị đẩy lùi, Sao Mai cũng đã mạnh dạng triển khai đầu tư cho các công ty con như: đầu tư Khu du lịch Điện mặt trời An Hảo; nâng cấp cải tạo Khu du lịch sinh thái Rừng Trà Trà Sư, Khu du lịch Đồi Tức Dụp, ... tạo tiền đề cho Du lịch An Giang và Du lịch Đồng Tháp phát triển bền vững.
- Thành công của các dự án chính là nhờ Sao Mai đã luôn định hướng và lựa chọn đúng dự án đầu tư, phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Với nguyên tắc không đầu tư dàn trải, tập trung vào các dự án có tính khả thi cao, thời gian thu hồi vốn ngắn nên các dự án Sao Mai đầu tư mang lại hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, song song với việc khai thác các dự án đã hoàn thành, Sao Mai tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các dự án dở dang, tìm kiếm đầu tư dự án mới để tạo sản phẩm kinh doanh. Với hình thức đầu tư “cuốn chiếu” này được công ty áp dụng thành công, giúp công ty giảm bớt áp lực tài chính, góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

3. Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:

Hoạt động của Tập đoàn đang dần hướng tới sự phát triển bền vững và thể hiện trách nhiệm tới cộng đồng và xã hội. Tập đoàn luôn quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động, trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Hội đồng quản trị đánh giá cao tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ Tập đoàn, các hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo trong Tập đoàn đều được cán bộ Tập đoàn hỗ trợ, giúp đỡ.

Trách nhiệm với môi trường: Tập đoàn đã có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt trong việc sử dụng năng lượng sạch từ năng lượng mặt trời cho các nhà máy của công ty thành viên của Tập đoàn, hàng năm các nhà máy vừa tiết kiệm được tiền điện phải trả, vừa giảm thiểu được lượng khí thải nhà kính ...

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Qua giám sát, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các Quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần cũng như các quy chế nội bộ; đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT; đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong việc điều hành SXKD của Công ty; Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm toán được thực hiện tốt

Trong năm 2020, mặc dù phải đối mặt với những khó khăn do Đại dịch Covid, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đã rất cố gắng, tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh, giúp Tập đoàn giữ vững vị thế và đạt được danh hiệu TOP 10 doanh nghiệp có hiệu quả nhất thời Covid, đứng vị trí 46 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, TOP 10 doanh nghiệp dẫn đầu năng lượng sạch Việt Nam. Những thành tựu này đã thể hiện sự nỗ lực và bản lĩnh của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 là 13.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 700 tỷ đồng.
- Tiếp tục phối hợp với Ban điều hành tập trung đẩy mạnh công tác Marketing và bán hàng nhằm tiêu thụ các sản phẩm đã hoàn thành, tăng nhanh vòng quay và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho Tập đoàn.
- Tập trung đầu tư, nghiên cứu tìm kiếm, mở rộng đầu tư thêm nhiều dự án bất động sản mới, đồng thời định hướng đầu tư phát triển mạnh vào lĩnh vực Điện mặt trời, Du lịch sinh thái,...
- Hội đồng quản trị sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Tập đoàn ngày càng phát triển.
- Tập trung tái cấu trúc các công ty thành viên theo mô hình Tập đoàn để hoạt động hiệu quả hơn.
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với quy mô của Tập đoàn nhưng vẫn theo cơ chế tinh gọn, thông suốt và hiệu quả.
- Tiếp tục đưa cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ quản lý.
- Cải tiến phương thức quản lý tạo sự kết nối giữa các bộ phận theo hướng chuyên sâu nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của công ty.
- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và sửa đổi bổ sung các Quy chế quản trị công ty phù hợp với mô hình tổ chức.

E. QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tập đoàn Sao Mai nhiệm kỳ 2019 – 2024 có 05 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT. Cụ thể:

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Sao Mai	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Lê Thị Nguyệt Thu	CT.HĐQT	5,33%
2	Nguyễn Văn Hưng	PCT.HĐQT kiêm Phó TGD	0,23%
3	Lê Thanh Thuận	TV.HĐQT kiêm TGD	19,31%
4	Nguyễn Văn Xe	TV.HĐQT (độc lập)	0,00%
5	Nguyễn Thị Hồng Loan	TV.HĐQT (độc lập)	0,00%



5

4

1

2

3

1. Bà Lê Thị Nguyệt Thu - Chủ tịch HĐQT

- Bà Lê Thị Nguyệt Thu được vào Hội đồng quản trị từ năm 2015 và trở thành Chủ tịch HĐQT từ năm từ tháng 4/2019 đến nay.
- Trước đây, bà Nguyệt Thu công tác tại Tập đoàn Sao Mai từ năm 2010, từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phát triển dự án tại Tp. Hồ Chí Minh; Trợ lý Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Sao Mai;
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch An Giang; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp; Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựt Hồng; Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.

2. Ông Nguyễn Văn Hưng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự.

3. Ông Lê Thanh Thuận - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Đã trình bày ở phần Danh sách Ban Điều hành tại mục II. Tổ chức và nhân sự

4. Ông Nguyễn Văn Xe - Thành viên HĐQT độc lập

- Ông Nguyễn Văn Xe được bầu vào thành viên HĐQT từ tháng 04/2019
- Trước đây làm chuyên viên nghiên cứu tổng hợp Văn Phòng Tỉnh Ủy từ năm 1977
- Từ năm 2001-2002: Phó Văn Phòng Tỉnh Ủy
- Từ năm 2002-2005: Phó Bí Thư Đảng Ủy Liên Cơ Tỉnh An Giang
- Từ năm 2005-2007: Bí Thư Đảng Ủy Liên Cơ Tỉnh An Giang
- Từ năm 2007- tháng 04/2018: Bí Thư Đảng Ủy Dân Chính Đảng An Giang
- Từ năm 2005-2018: Tỉnh Ủy Viên, khoá VIII, IX, X

5. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thành viên HĐQT độc lập

- Bà Nguyễn Thị Hồng Loan được bầu làm thành viên HĐQT độc lập từ tháng 06/2020
- Trước đây là bà Nguyễn Thị Hồng Loan làm việc tại Ngân Nhà Nước chi nhánh tỉnh Kiên Giang từ 1986 - 1990
- Từ năm 1990 - 1997: trưởng phòng tín dụng ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang
- Năm 1997 - 2004: Phó Giám Đốc ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang
- Từ năm 2004 - 2013: Giám Đốc ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang.
- Từ năm 2013 - 2018: Giám Đốc ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bến Nghé
- Hiện tại Bà Nguyễn Thị Hồng Loan đang nắm giữ 10.350 cổ phần của Sao Mai

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Các quyết định đưa ra đều căn cứ vào sự đồng thuận của tất cả các thành viên.

Với tinh thần trách nhiệm và đoàn kết nhất trí trong nội bộ, Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát, chủ động đưa ra các giải pháp kịp thời và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh, khắc phục những khó khăn, cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Cụ thể:

- a. Về tổ chức: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, quy trình tuyển dụng nhân sự... cho phù hợp với mô hình phát triển của Tập đoàn.
- b. Về quan hệ cổ đông: Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo:
 - Thực hiện đầy đủ các quy định trong việc Tổ chức Đại Hội cổ đông thường niên 2020.
 - Thực hiện công bố thông tin kịp thời để nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, giúp cho cổ đông nắm rõ tình hình hoạt động cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã công bố:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số:01/2020/NQ - ASM	02/03/2020	V/v miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng
2	Số: 02/QĐ/HĐQT-2020	03/03/2020	V/v triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
3	Số: 02/2020/NQ-ASM	14/04/2020	V/v gia hạn tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
4	Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ-2020	19/06/2020	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020

2.1 Trong công tác lãnh đạo, giám sát, chỉ đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và không định kỳ để tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.
- Để thực hiện tốt vai trò quản trị, Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu...từ đó chỉ đạo các biện pháp giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Do thành viên Hội đồng quản trị có tham gia điều hành nên đã chỉ đạo, giám sát trực tiếp các bộ phận, trên cơ sở đó có những quyết định kịp thời, đúng đắn để giải quyết những khó khăn phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm toán nội bộ thực hiện tốt công tác kiểm soát. Đồng thời, trong từng trường hợp cần thiết, HĐQT thành lập Ban thanh tra để kiểm soát quá trình điều hành từ khâu sản xuất, kinh doanh đến bộ phận tài chính của các đơn vị trực thuộc.

2.2 Trong công tác giám sát tài chính kế toán:

- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thường xuyên củng cố, nâng cao công tác kế toán, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.
- HĐQT giám sát chặt chẽ quy chế quản trị tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của Tập đoàn thông qua báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tình hình nợ vay hàng tuần, báo cáo quản trị... giúp cho HĐQT quản lý tốt dòng tiền, kiểm soát chi phí hợp lý, hiệu quả. Bên cạnh đó, HĐQT cũng cập nhật kịp thời tình hình tài chính để đưa ra những chủ trương, phương hướng cho kế hoạch tương lai.

II. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm toán nội bộ:

- Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, thay mặt HĐQT tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Tập đoàn. Ban kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do HĐQT bầu ra.
- Ban kiểm toán nội bộ của Sao Mai nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:

1. Ông Nguyễn Gia Thuận - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Nguyễn Gia Thuận sinh năm 1978 tại Thốt Nốt, Cần Thơ. Tốt nghiệp Cử nhân tài chính, Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Năm 2002, ông làm Kế toán tổng hợp tại Sao Mai.
- Năm 2008: ông về làm Kế toán tổng hợp tại Công ty IDI.
- Năm 2009 đến nay: ông được bầu làm Kế toán trưởng Công ty Trisedco (DAT).

2. Ông Huỳnh Quốc Cường - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Cường sinh năm 1984, tại An Giang, tốt nghiệp Cử nhân kinh tế
- Từ năm 2011 đến nay, ông làm việc tại phòng kế toán Công Ty I.D.I

3. Ông Vũ Văn Thanh - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- Ông Thanh sinh năm 1990 tại Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử nhân kế toán
- Năm 2011 đến nay công tác tại Phòng kế toán Công ty Sao Mai.

2. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

Trong năm 2020 vừa qua, Ban kiểm toán đã tham gia nhiều hoạt động, cụ thể như sau:

- Kiểm tra góp ý các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.
- Tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như những vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Công ty.
- Kiểm tra tiến độ thực hiện các nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Luôn bám sát kế hoạch và các giải pháp của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được hoàn thành.

- Tổng kết đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020. Kiểm tra tính chất hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, tính trung thực và tuân thủ trong quản lý, điều hành của các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán, các báo cáo kinh doanh và báo cáo kiểm toán của Công ty năm 2020.

- Kiểm tra việc công bố thông tin định kỳ, thông tin tức thời đầy đủ, kịp thời theo quy định của UBCK nhà nước

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/06/2020, Công ty đã thực hiện chi trả Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 là 703.000.000 đồng. Cụ thể:

Chức vụ	Từ T01 đến T06		Từ T07 đến T12		Tổng 12 tháng
	Số lượng thành viên	Thù lao	Số lượng thành viên	Thù lao	
Chủ tịch HĐQT	1	90.000.000	1	90.000.000	180.000.000
Thành viên HĐQT	2	84.000.000	2	84.000.000	168.000.000
TV độc lập HĐQT	2	180.000.000	2	175.000.000	355.000.000
TỔNG CỘNG	5	354.000.000	5	349.000.000	703.000.000

Đối với Ban Tổng giám đốc được nhận lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động của công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2020 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch nội bộ:

Được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán (khoản 03 mục VIII phần thuyết minh - trang 41-44)

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tập đoàn Sao Mai:

Trong năm 2020 Sao Mai đã cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty đại chúng theo hướng dẫn tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM;
- Điện thoại: (84.8) 38205944 Fax: (84.8) 38205942;
- Website: aascs.com.vn.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 hợp nhất đã kiểm toán được đính kèm ở phần sau của Báo cáo thường niên này).

Thành phố Long Xuyên, ngày 09 tháng 04 năm 2021

TM Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Lê Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (đề b/c);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, QHCD.



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Báo cáo tài chính hợp nhất

*Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942**

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 52



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019 và lần thứ 31 ngày 04/05/2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.588.678.490.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Năng lượng mặt trời, Xuất khẩu lao động; ...

4. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh : 1600169024-014
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Mã số chi nhánh : 1600169024-012
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã số chi nhánh : 1600169024-017
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc Tế Sao Mai
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, đường Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mã số chi nhánh : 1600169024-019

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau
Đường số 17, Khu dân cư phía Đông QL1A - khu A, xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau
Mã số chi nhánh : 1600169024-022

+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá
Khu Đô Thị Mới Sao Mai, QL 47, Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
Mã số chi nhánh : 1600169024-013

Thông tin về văn phòng đại diện:

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Mã số VPĐD : 1600169024-016

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành Phố Cần Thơ
Tòa nhà VCCI, Tầng 4, số 12, Hòa Bình, Phường An Cư, Tp.Cần Thơ
Mã số VPĐD : 1600169024-020

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.
Mã số VPĐD : 1600169024-018

Công ty con:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	66,00%	66,00%	33.000.000.000
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	86,76%	86,76%	68.391.109.800
+ Công ty CP Nhựt Hồng	60,00%	60,00%	167.991.740.000
+ Công ty CP ĐT Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,94%	63,94%	11.510.000.000
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	100,00%	100,00%	20.000.000.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	100,00%	100,00%	400.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	51,23%	51,23%	997.398.163.912
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	72,71%	72,71%	161.209.410.000
+ Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	76,67%	76,67%	402.500.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	43,95%	82,67%	15.000.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	53,83%	91,95%	8.660.000.000

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Chủ tịch	
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	
Ông:	Lê Thanh Thuần	Thành viên	
Bà:	Hoàng Thị Thanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/06/2020)
Bà:	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/06/2020)
Ông:	Nguyễn Văn Xe	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 08/07/2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuần	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quê	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Công Khánh	Giám Đốc Tài Chính

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông:	Nguyễn Gia Thuận	Trưởng ban
Ông:	Huỳnh Quốc Cường	Thành viên
Ông:	Vũ Văn Thanh	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuần

Kế toán trưởng:

Bà: Ngô Thị Tố Ngân

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày kết thúc ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty .

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯỢNG

Số: 365../BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 29 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH ÁI

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên



ĐẶNG TÙNG HƯNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.321.821.560.382	7.520.282.534.087
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	783.217.339.870	822.987.169.585
111	1. Tiền		490.391.373.838	576.278.663.175
112	2. Các khoản tương đương tiền		292.825.966.032	246.708.506.410
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	1.140.307.114.085	657.885.346.447
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.140.307.114.085	657.885.346.447
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.198.080.939.368	3.014.848.550.079
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.440.262.277.327	1.402.608.381.286
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.413.268.388.970	1.221.607.628.381
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.04	1.000.000.000	1.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	411.220.840.966	457.554.414.473
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(67.670.567.895)	(67.921.874.061)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	3.041.691.988.354	2.899.216.786.287
141	1. Hàng tồn kho		3.091.198.047.237	2.916.528.417.284
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(49.506.058.883)	(17.311.630.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		158.524.178.705	125.344.681.689
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.13	4.559.749.525	6.207.677.948
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		153.556.450.372	112.525.664.617
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		407.978.808	6.451.643.124
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			159.696.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.282.773.448.021	8.076.029.161.106
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		31.049.611.008	24.215.587.133
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		14.500.000	14.500.000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	31.035.111.008	24.201.087.133
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		6.957.454.414.097	5.749.237.918.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	5.383.411.623.813	4.165.966.851.480
222	- Nguyên giá		6.130.403.091.366	4.669.191.736.536
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(746.991.467.553)	(503.224.885.056)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	295.754.662.666	295.716.528.810
225	- Nguyên giá		384.839.846.296	356.942.414.833
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(89.085.183.630)	(61.225.886.023)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.278.288.127.618	1.287.554.538.247
228	- Nguyên giá		1.343.172.399.393	1.331.632.511.148
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(64.884.271.775)	(44.077.972.901)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	327.297.737.900	241.130.567.239
231	- Nguyên giá		413.600.931.716	313.330.296.020
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(86.303.193.816)	(72.199.728.781)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	1.036.863.496.844	232.378.343.640
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.036.863.496.844	232.378.343.640
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	297.934.700.426	1.145.954.700.426
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.560.299.574)	(1.560.299.574)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		297.495.000.000	1.145.515.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		632.173.487.746	683.112.044.131
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	400.235.146.520	413.275.595.979
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.576.809.910	4.182.884.116
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.13	229.361.531.316	265.653.564.036
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.604.595.008.403	15.596.311.695.193

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

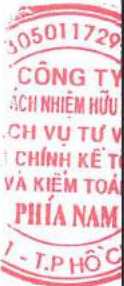
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		10.732.486.502.082	9.294.439.281.421
310	I. Nợ ngắn hạn		6.533.710.844.134	6.553.945.695.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	1.097.766.949.284	1.387.412.856.438
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		103.929.507.890	313.882.115.348
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	123.829.075.782	61.508.495.897
314	4. Phải trả người lao động		52.257.345.266	47.708.504.774
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	35.073.534.113	19.076.242.654
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	8.704.601.693	7.163.525.936
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	131.470.108.562	245.276.527.143
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	4.950.176.667.363	4.446.435.062.613
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			2.477.277
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.503.054.181	25.479.887.820
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		4.198.775.657.948	2.740.493.585.521
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.18	757.451.821.237	
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	12.077.519.372	11.385.882.076
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.18	1.320.000.000	2.220.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	3.427.336.015.389	2.726.284.256.626
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		590.301.950	603.446.819
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
400	D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.20	6.872.108.506.321	6.301.872.413.772
410	I. Vốn chủ sở hữu		6.865.372.851.821	6.301.872.413.772
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.588.678.490.000	2.588.678.490.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.588.678.490.000	2.588.678.490.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.104.200.000	45.104.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		272.989.640.875	267.073.275.300
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		104.092.515.046	90.509.849.350
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		3.824.545.613	2.560.610.658
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.276.716.593	7.012.781.638
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.467.675.428.369	1.024.776.286.192
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		992.211.750.927	439.624.958.136
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		475.463.677.442	585.151.328.056
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.374.731.315.325	2.276.156.920.634
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		6.735.654.500	
431	1. Nguồn kinh phí		6.735.654.500	
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.604.595.008.403	15.596.311.695.193



Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

TRẦN BẢO ĐÔNG

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	12.641.344.565.991	14.409.839.692.891
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	116.730.754.134	186.066.351.786
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.524.613.811.857	14.223.773.341.105
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	11.174.196.208.444	12.855.028.307.209
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.350.417.603.413	1.368.745.033.896
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	232.360.452.111	201.952.760.812
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	534.709.026.110	275.682.838.120
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		518.022.543.070	253.532.957.320
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	199.682.041.549	261.812.433.412
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	226.555.585.232	226.964.665.248
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		621.831.402.633	806.237.857.928
31	11. Thu nhập khác	VI.07	9.105.254.803	90.897.495.085
32	12. Chi phí khác	VI.08	6.631.214.547	25.395.885.583
40	13. Lợi nhuận khác		2.474.040.256	65.501.609.502
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		624.305.442.889	871.739.467.430
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	50.355.245.844	43.991.472.933
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	1.592.929.337	4.400.487.945
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		572.357.267.708	823.347.506.552
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		475.463.677.442	636.924.897.856
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		96.893.590.266	186.422.608.696
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	1.837	2.509
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	1.837	2.509

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



TRẦN BẢO ĐÔNG

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ TỐ NGÂN

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯỢNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		624.305.442.889	871.739.467.430
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		291.287.520.557	213.115.015.078
03	- Các khoản dự phòng		31.823.763.668	16.280.029.045
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(328.775.136)	3.380.399.985
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(408.081.310.236)	(105.744.109.097)
06	- Chi phí lãi vay		518.022.543.070	253.532.957.320
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.057.029.184.812	1.252.303.759.761
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(206.707.756.581)	692.681.630.665
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(174.862.140.894)	(583.807.617.160)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.806.876.811)	104.281.744.277
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.667.163.575	(311.735.275.344)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(516.296.024.145)	(342.121.216.167)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29.084.462.823)	(48.841.640.042)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.735.654.500	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(634.938.182)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		144.039.803.451	762.761.385.990
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.157.693.022.691)	(2.945.067.188.394)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		164.192.763.348	8.883.124.264
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.276.903.000.000)	(1.338.063.246.447)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.642.874.132.362	1.717.027.636.414
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(402.500.000.000)
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		125.028.432.549	165.519.082.781
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.502.500.694.432)	(2.794.200.591.382)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			50.000.000
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		14.245.393.512.471	15.666.268.163.421
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(12.866.613.417.157)	(12.964.881.649.235)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(60.568.823.232)	(51.715.132.990)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(297.112.701.995)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.318.211.272.082	2.352.608.679.201
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40.249.618.899)	321.169.473.809
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		822.987.169.585	502.270.779.111
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		479.789.184	(453.083.335)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		783.217.339.870	822.987.169.585

Người lập biểu



TRẦN BẢO ĐÔNG

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ TỐ NGÂN

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯỢNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015; lần thứ 27 ngày 02/10/2015; lần thứ 28 ngày 27/10/2017; lần thứ 29 ngày 08/06/2018; lần thứ 30 ngày 26/04/2019 và lần thứ 31 ngày 04/05/2019.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.588.678.490.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; Năng lượng mặt trời, Xuất khẩu lao động; ...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con 11
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất 11
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, P12, Q5, TP.HCM	66,00%	66,00%	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đốc Bình Kiều, Phường 2, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	86,76%	84,72%	86,76%	84,72%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty CP Nhứt Hồng	Toàn nhà VCCI, tầng 4, số 12 Hoà Bình, P.An Cư, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	63,94%	63,94%	63,94%	63,94%
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 17 Nguyễn Văn Cung, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang	72,71%	72,71%	72,71%	72,71%
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	QL 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty TNHH TM Sao Mai Solar	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	51,23%	51,23%	51,23%	51,23%
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	43,95%	43,95%	82,67%	82,67%
+ Cty CP Điện Mặt Trời EUROPLAST Long An	Khu D, Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	76,67%	76,67%	76,67%	76,67%
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	53,83%	53,83%	91,95%	91,95%

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Cà Mau	Đường số 17, Khu dân cư phía Đông QL1A - khu A, xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	Số 325/1 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thanh Hoá	Khu Đô Thị Mới Sao Mai, QL 47, Xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc	Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình	Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.



II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phân giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nêu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chi tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chi tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	18.863.746.634	8.742.320.204
Tiền gửi không kỳ hạn	471.527.627.204	567.536.342.971
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	292.825.966.032	246.708.506.410
- Tiền gửi có kỳ hạn	292.825.966.032	
Cộng	783.217.339.870	822.987.169.585

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

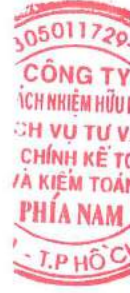
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
b1) Ngắn hạn	1.140.307.114.085	1.140.307.114.085	657.885.346.447	657.885.346.447
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.140.307.114.085	1.140.307.114.085	657.885.346.447	657.885.346.447
b2) Dài hạn	297.495.000.000	297.495.000.000	1.145.515.000.000	1.145.515.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	297.495.000.000	297.495.000.000	1.145.515.000.000	1.145.515.000.000
Cộng	1.437.802.114.085	1.437.802.114.085	1.803.400.346.447	1.803.400.346.447

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (*)	2.000.000.000	(1.560.299.574)	2.000.000.000	(1.560.299.574)
	2.000.000.000	(1.560.299.574)	2.000.000.000	(1.560.299.574)
Cộng	2.000.000.000	(1.560.299.574)	2.000.000.000	(1.560.299.574)

(*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG	31/12/2020	01/01/2020		
a) Ngắn hạn	1.440.262.277.327	1.402.608.381.286		
+ Công ty Mua Bán Điện - Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	46.408.909.966			
+ Công ty CP Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	17.796.711.000	79.120.839.160		
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	6.974.620.468	6.974.620.468		
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	210.304.909.219	56.807.155.831		
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	240.448.210.256	262.045.812.242		
+ Hợp Tác Xã Nuôi Trồng Thủy Sản - Chợ Mới	13.070.615.674	12.365.051.796		
+ Khách hàng khác	905.258.300.744	985.294.901.789		
b) Dài hạn				
Cộng	1.440.262.277.327	1.402.608.381.286		
04 . PHẢI THU VỀ CHO VAY	31/12/2020	01/01/2020		
a) Ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000		
+ Phan Văn A (*)	1.000.000.000	1.000.000.000		
b) Dài hạn				
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000		
05 . PHẢI THU KHÁC	31/12/2020	01/01/2020		
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a) Ngắn hạn	411.220.840.966		457.554.414.473	
Tạm ứng	186.789.145.305		189.931.620.605	
Phải thu người lao động				
Ký cược, ký quỹ	39.549.130.000		7.318.000.000	
Các khoản chi hộ				
Phải thu khác	184.882.565.661		260.304.793.868	
b) Dài hạn	31.035.111.008		24.201.087.133	
Tạm ứng				
Ký cược, ký quỹ	29.352.284.008		16.118.260.133	
Phải thu khác	1.682.827.000		8.082.827.000	
Cộng	442.255.951.974		481.755.501.606	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

06 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	10.185.126.750		10.185.126.750	
+ Alfredo Foods	9.254.821.599		9.254.821.599	
+ Alliance Seafood Group	9.289.716.248		9.289.716.248	
+ Lapson International Trading Ltd	7.023.674.404		7.023.674.404	
+ Sarl Globe Alliance	7.246.670.926		7.246.670.926	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.685.438.712		6.685.438.712	
+ Công ty TNHH cơ điện tử Quang Huy BK	2.900.000.000		2.900.000.000	
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	6.974.620.468		6.974.620.468	
+ Đối tượng khác	8.110.498.788		8.361.804.954	
Cộng	67.670.567.895		67.921.874.061	

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

07 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	120.821.863.071		153.041.653.635	
- Công cụ, dụng cụ	4.589.846.761		3.662.645.859	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	291.093.240.205		278.282.807.942	
- Thành phẩm	1.172.761.933.401	(49.506.058.883)	1.289.253.126.790	(1.756.630.997)
- Hàng hóa	1.084.841.270.579		1.042.305.179.056	(15.555.000.000)
- Hàng gửi đi bán	21.288.735.278		30.640.108.309	
- Hàng hóa bất động sản	395.801.157.942		119.342.895.693	
Cộng	3.091.198.047.237	(49.506.058.883)	2.916.528.417.284	(17.311.630.997)

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 1.986.927.719.907 đồng.

- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Mua sắm TSCĐ

+ Kho lạnh 04

+ Dây chuyền Shortening & Margarine

+ Khác

Xây dựng cơ bản

- Đường GTGT BK3

- Khu dân cư Hoà Bình

- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM

- Khu Đô Thị Mỹ Tho

- Khu Dân cư Cà Mau

- Kho lạnh 04

- Dự án năng lượng mặt trời Tại Huyện Ea H'Leo - Đắk Lắk

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tỉnh Biên An Giang (giai đoạn 2)

- Chi phí đầu tư xây dựng Khu Du Lịch Trà Sư

- Khu đô thị Bình Long

- Xây dựng trụ sở làm việc 12 tầng

- Khu Dân Cư Lam Sơn Sao Vàng

- Công trình khác

Cộng

	31/12/2020	01/01/2020
b) Xây dựng cơ bản dở dang	1.036.863.496.844	232.378.343.640
Mua sắm TSCĐ	74.818.127.231	
+ Kho lạnh 04	29.606.634.150	
+ Dây chuyền Shortening & Margarine	44.960.714.000	
+ Khác	250.779.081	
Xây dựng cơ bản	962.045.369.613	232.378.343.640
- Đường GTGT BK3	1.147.923.083	1.147.923.083
- Khu dân cư Hoà Bình	1.653.591.160	1.653.591.160
- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM	47.387.782.570	47.380.200.000
- Khu Đô Thị Mỹ Tho	882.034.099	882.034.099
- Khu Dân cư Cà Mau	15.960.163.500	15.960.163.500
- Kho lạnh 04	124.677.753.440	
- Dự án năng lượng mặt trời Tại Huyện Ea H'Leo - Đắk Lắk	174.000.000	
- Nhà máy điện năng lượng mặt trời - Tỉnh Biên An Giang (giai đoạn 2)	254.022.644.206	68.026.492.331
- Chi phí đầu tư xây dựng Khu Du Lịch Trà Sư	37.956.886.790	
- Khu đô thị Bình Long	401.317.925.000	
- Xây dựng trụ sở làm việc 12 tầng	28.487.900.000	
- Khu Dân Cư Lam Sơn Sao Vàng	13.700.000.000	
- Công trình khác	34.676.765.765	97.327.939.467
Cộng	1.036.863.496.844	232.378.343.640



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

09. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	1.131.954.015.198	3.374.116.708.485	70.172.361.469	31.715.907.405	61.232.743.979	4.669.191.736.536
2. Số tăng trong kỳ	481.712.758.809	1.021.085.820.672	481.894.090	2.277.948.140	93.516.364	1.505.651.938.075
- Mua trong kỳ	80.215.655.134	1.006.673.682.766	481.894.090	2.277.948.140		1.089.649.180.130
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	399.950.466.236	2.624.473.631			93.516.364	402.668.456.231
- Tăng khác	1.546.637.439	11.787.664.275				13.334.301.714
3. Số giảm trong kỳ	33.337.802	34.291.799.986	9.191.706.883		923.738.574	44.440.583.245
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	33.337.802	29.266.999.986	9.191.706.883		923.738.574	39.415.783.245
- Giảm khác		5.024.800.000				5.024.800.000
4. Số dư cuối kỳ	1.613.633.436.205	4.360.910.729.171	61.462.548.676	33.993.855.545	60.402.521.769	6.130.403.091.366
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	128.239.125.734	321.948.315.993	35.190.473.112	6.218.540.183	11.628.430.034	503.224.885.056
2. Khấu hao trong kỳ	50.664.159.040	184.707.431.639	9.400.697.115	3.080.217.453	1.676.184.976	249.528.690.223
- Khấu hao trong kỳ	50.664.159.040	184.707.431.639	8.941.208.824	3.080.217.453	1.676.184.976	249.069.201.932
- Tăng khác			459.488.291			459.488.291
3. Giảm trong kỳ	30.362.954	2.700.300.541	2.815.408.595		216.035.636	5.762.107.726
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	30.362.954	2.281.567.211	2.815.408.595		216.035.636	5.343.374.396
- Giảm khác		418.733.330				418.733.330
4. Số dư cuối kỳ	178.872.921.820	503.955.447.091	41.775.761.632	9.298.757.636	13.088.579.374	746.991.467.553
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.003.714.889.464	3.052.168.392.492	34.981.888.357	25.497.367.222	49.604.313.945	4.165.966.851.480
2. Tại ngày cuối kỳ	1.434.760.514.385	3.856.955.282.080	19.686.787.044	24.695.097.909	47.313.942.395	5.383.411.623.813

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.336.049.762.782 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 91.540.542.877 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

10 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá								
1. Số dư đầu kỳ	20.471.523.035	330.953.501.798	5.517.390.000				356.942.414.833	
2. Số tăng trong kỳ		33.700.013.456	14.554.817.444				48.254.830.900	
- Thuê tài chính trong kỳ		33.700.013.456	7.520.897.012				41.220.910.468	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính								
- Tăng khác			7.033.920.432				7.033.920.432	
3. Số giảm trong kỳ	1.545.555.588	18.811.843.849					20.357.399.437	
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính								
- Giảm khác	1.545.555.588	18.811.843.849					20.357.399.437	
4. Số dư cuối kỳ	18.925.967.447	345.841.671.405	20.072.207.444				384.839.846.296	
II. Giá trị hao mòn lũy kế								
1. Số dư đầu kỳ	3.294.667.105	52.750.803.093	5.180.415.825				61.225.886.023	
2. Khấu hao trong kỳ	2.580.183.076	32.282.542.616	2.050.033.562				36.912.759.254	
- Khấu hao trong kỳ	2.580.183.076	32.282.542.616	2.050.033.562				36.912.759.254	
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính								
- Tăng khác								
3. Giảm trong kỳ	618.620.713	8.434.840.934					9.053.461.647	
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính								
- Giảm khác	618.620.713	8.434.840.934					9.053.461.647	
4. Số dư cuối kỳ	5.256.229.468	76.598.504.775	7.230.449.387				89.085.183.630	
III. Giá trị còn lại								
1. Tại ngày đầu kỳ	17.176.855.930	278.202.698.705	336.974.175				295.716.528.810	
2. Tại ngày cuối kỳ	13.669.737.979	269.243.166.630	12.841.758.057				295.754.662.666	

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 14.639.675.567 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng

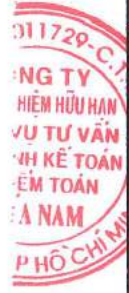
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH					Đơn vị tính: VND	
Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	1.330.397.271.148			1.174.000.000	61.240.000	1.331.632.511.148
2. Số tăng trong kỳ	30.491.851.000			50.000.000		30.541.851.000
- Mua trong kỳ	30.491.851.000			50.000.000		30.541.851.000
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ	19.001.962.755					19.001.962.755
- Thanh lý, nhượng bán	19.001.962.755					19.001.962.755
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối kỳ	1.341.887.159.393			1.224.000.000	61.240.000	1.343.172.399.393
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	43.329.483.309			722.292.473	26.197.119	44.077.972.901
2. Khấu hao trong kỳ	20.616.045.117			178.005.753	12.248.004	20.806.298.874
- Khấu hao trong kỳ	3.613.582.236			178.005.753	12.248.004	3.803.835.993
- Tăng khác	17.002.462.881					17.002.462.881
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	63.945.528.426			900.298.226	38.445.123	64.884.271.775
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	1.287.067.787.839			451.707.527	35.042.881	1.287.554.538.247
2. Tại ngày cuối kỳ	1.277.941.630.967			323.701.774	22.794.877	1.278.288.127.618

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 248.769.365.184 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 541.500.000 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	313.330.296.020	100.270.635.696		413.600.931.716
- Quyền sử dụng đất	65.240.590.451	27.838.517.442		93.079.107.893
- Nhà	248.089.705.569	72.432.118.254		320.521.823.823
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	72.199.728.781	14.103.465.035		86.303.193.816
- Quyền sử dụng đất	1.958.465.022	392.211.852		2.350.676.874
- Nhà	70.241.263.759	13.711.253.183		83.952.516.942
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	241.130.567.239			327.297.737.900
- Quyền sử dụng đất	63.282.125.429			90.728.431.019
- Nhà	177.848.441.810			236.569.306.881
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tổn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 230.798.577.065 VND				
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	4.559.749.525	6.207.677.948
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.838.577.984	3.633.331.681
Các khoản khác	1.721.171.541	2.574.346.267
b) Dài hạn	400.235.146.520	413.275.595.979
Tiền thuê đất Sa Đéc	51.495.022.802	52.606.426.178
Tiền thuê đất nhà năng lượng mặt trời Tịnh Biên	288.178.759.313	287.451.373.020
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.913.180.590	40.995.149.296
Các khoản khác	31.648.183.815	32.222.647.485
d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.576.809.910	4.182.884.116
Thuế thu nhập hoãn lại	2.576.809.910	4.182.884.116
c) Lợi thế thương mại	229.361.531.316	265.653.564.036
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	229.361.531.316	265.653.564.036
Cộng	636.733.237.271	689.319.722.079

Ghi chú (*): Giá trị còn lại cuối kỳ của chi phí trả trước dài hạn dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 339.673.782.115 VND

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Trong năm		
	31/12/2020	Tăng	Giảm
a) Vay ngắn hạn	3.928.714.088.957	9.639.931.778.225	8.833.792.244.440
Giá trị	3.928.714.088.957	9.639.931.778.225	8.833.792.244.440
Số có khả năng trả nợ	3.928.714.088.957	9.639.931.778.225	8.833.792.244.440
Vay ngắn hạn - VND	3.928.714.088.957	9.639.931.778.225	8.833.792.244.440
Vay ngắn hạn - USD	1.016.286.573.488	2.967.958.413.887	3.227.958.120.123
Giá trị	1.016.286.573.488	2.967.958.413.887	3.227.958.120.123
Số có khả năng trả nợ	1.016.286.573.488	2.967.958.413.887	3.227.958.120.123
Vay ngắn hạn - USD	1.016.286.573.488	2.967.958.413.887	3.227.958.120.123
Cộng	4.945.000.662.445	12.607.890.192.112	12.061.750.364.563
Giá trị	4.945.000.662.445	12.607.890.192.112	12.061.750.364.563
Số có khả năng trả nợ	4.945.000.662.445	12.607.890.192.112	12.061.750.364.563
Vay ngắn hạn - VND	3.928.714.088.957	9.639.931.778.225	8.833.792.244.440
Vay ngắn hạn - USD	1.016.286.573.488	2.967.958.413.887	3.227.958.120.123
Cộng	3.122.574.555.172	1.276.286.279.724	4.398.860.834.896
Giá trị	3.122.574.555.172	1.276.286.279.724	4.398.860.834.896
Số có khả năng trả nợ	3.122.574.555.172	1.276.286.279.724	4.398.860.834.896



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	937.500.272.291	937.500.272.291	521.302.498.421	604.292.506.134	1.020.490.280.004	1.020.490.280.004
- VND	937.500.272.291	937.500.272.291	521.302.498.421	604.292.506.134	1.020.490.280.004	1.020.490.280.004
- USD						
Trên 5 năm	2.335.246.062.050	2.335.246.062.050	853.066.116.641	122.414.773.264	1.604.594.718.673	1.604.594.718.673
Cộng	3.272.746.334.341	3.272.746.334.341	1.374.368.615.062	726.707.279.398	2.625.084.998.677	2.625.084.998.677

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm 2020		Năm 2019		Trả nợ gốc	Trả nợ gốc
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế		
Từ 1 năm trở xuống	56.824.762.033	12.835.315.097	43.989.446.936	52.662.338.294	12.781.541.579	39.880.796.715
Trên 1 năm đến 5 năm	18.971.319.286	2.391.942.990	16.579.376.296	14.783.953.993	2.949.617.718	11.834.336.275
Trên 5 năm						
Cộng	75.796.081.319	15.227.258.087	60.568.823.232	67.446.292.287	15.731.159.297	51.715.132.990

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	5.176.004.918	5.176.004.918	47.574.227.717	47.574.227.717
Lãi thuế tài chính phải trả	5.176.004.918	5.176.004.918	47.574.227.717	47.574.227.717
Dài hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	154.589.681.048	154.589.681.048	101.199.257.949	101.199.257.949
Lãi thuế tài chính phải trả	154.589.681.048	154.589.681.048	101.199.257.949	101.199.257.949
Cộng	159.765.685.966	159.765.685.966	148.773.485.666	148.773.485.666

- d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có
e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có
d) Trái phiếu thường



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	1.097.766.949.284	1.097.766.949.284	1.387.412.856.438	1.387.412.856.438
a) Ngắn hạn				
+ Công ty TNHH MTV Chế Biến Bột Cá Kim Sơn	56.585.124.500	56.585.124.500	29.355.856.400	29.355.856.400
+ Công ty Cổ Phần Khai Anh Bình Thuận	40.982.962.956	40.982.962.956	41.394.107.452	41.394.107.452
+ Công ty Cổ phần Hum	6.966.392.550	6.966.392.550	39.581.174.733	39.581.174.733
+ Công ty TNHH TM DV Sông Hậu	17.113.450.445	17.113.450.445	21.370.732.445	21.370.732.445
+ Công ty TNHH Trường Thăng	2.363.078.946	2.363.078.946	2.362.998.100	2.362.998.100
+ Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 10 IDICO	4.000.000.000	4.000.000.000	311.963.352	311.963.352
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định Và Đầu Tư Toàn Cầu			44.648.605.297	44.648.605.297
+ Công ty STERLING AND WILSON PRIVATE LIMITED	27.216.912.299	27.216.912.299	81.881.738.726	81.881.738.726
+ Công ty Cổ Phần Nông Sản Trảng An	53.763.658.720	53.763.658.720		
+ Công ty CP EPC Điện Mặt Trời Việt Nam Co.,Ltd	131.358.544.288	131.358.544.288		
+ Công Ty TNHH CARGILL VIỆT NAM	42.639.951.150	42.639.951.150		
+ Công ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Miền Nam	16.419.924.269	16.419.924.269		
+ Công ty TNHH MTV Thái Thị Thu Hạnh	13.525.832.500	13.525.832.500		
+ Công ty TNHH SX & TM Vận Tải Việt Nam	13.499.776.000	13.499.776.000		
+ Công ty CP Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	72.371.791.153	72.371.791.153	105.277.242.815	105.277.242.815
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều			19.450.062.720	19.450.062.720
+ Công ty TNHH Minh Thắng Sa Đéc	18.976.482.282	18.976.482.282	33.352.800.000	33.352.800.000
+ Châu Vĩnh Viễn (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	137.646.071.800	137.646.071.800		
+ Nguyễn Tấn Đám (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	134.970.770.000	134.970.770.000		
+ Nguyễn Thành Tân (Quyền sử dụng đất Cà Mau)	22.496.590.000	22.496.590.000		
+ Công Ty PowerChiNa Zhongnan Engineering	121.878.750	121.878.750	464.905.485.418	464.905.485.418
+ Cty Sinohydro	5.222.942.920	5.222.942.920	12.258.373.444	12.258.373.444
+ Lâm Đệ (Quyền sử dụng đất Q8. TP.HCM)			65.000.000.000	65.000.000.000
+ HANWHA QCELLS(Qidong) Co., LTD	16.871.828.616	16.871.828.616		
+ JA Solar International Limited	10.614.434.798	10.614.434.798		
+ Đối tượng khác	252.038.550.342	252.038.550.342	426.261.715.536	426.261.715.536

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b) Dài hạn	757.451.821.237	757.451.821.237	757.451.821.237	757.451.821.237	
+ SUMEC COMPLETE EQUIPMENT AND ENGINEERING CO.,LTD	757.451.821.237	757.451.821.237	757.451.821.237	757.451.821.237	
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có	1.855.218.770.521	1.855.218.770.521	1.387.412.856.438	1.387.412.856.438	

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020		31/12/2020		Phải nộp
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	
Thuế giá trị gia tăng	38.088.545	11.908.121.176	120.902.847.847	88.245.650.104	44.560.112.628
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			87.577.705.382	87.577.705.382	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất			2.623.407.433	1.349.777.472	1.273.629.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.181.852	42.304.846.292	50.355.245.844	86.972.712.084	61.396.261.108
Thuế thu nhập cá nhân	5.987.549.122	7.245.332.430	30.593.205.134	15.637.568.763	16.575.126.165
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác	64.823.605	50.195.999	7.636.800	16.159.201	23.945.920
Cộng	6.451.643.124	61.508.495.897	292.060.048.440	279.799.573.006	123.829.075.782

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	35.073.534.113	19.076.242.654
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa	33.275.556.889	17.500.108.054
Các khoản khác	1.797.977.224	1.576.134.600
b) Dài hạn		
Cộng	35.073.534.113	19.076.242.654

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	131.470.108.562	245.276.527.143
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	2.739.067.199	2.304.287.102
Bảo hiểm xã hội	484.060.000	9.646.446
Bảo hiểm y tế	5.850.000	1.045.315
Bảo hiểm thất nghiệp	21.478.000	1.415.375
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.660.117.500	9.401.117.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.024.359.000	1.024.359.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	111.535.176.863	232.534.656.405
Võ Đức Thảo	2.999.051.047	2.998.268.997
Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.536.125.816	229.386.387.408
b) Dài hạn	1.320.000.000	2.220.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.320.000.000	2.220.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	132.790.108.562	247.496.527.143

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	8.704.601.693	7.163.525.936
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	8.704.601.693	7.163.525.936
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
b) Dài hạn	12.077.519.372	11.385.882.076
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	12.077.519.372	11.385.882.076
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
Cộng	20.782.121.065	18.549.408.012



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

20 .1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu kỳ trước	2.419.338.530.000	45.104.200.000	97.609.361.300	85.784.787.558	999.821.565.424	2.089.734.311.938		5.737.392.756.220	
Tăng vốn trong kỳ trước	169.339.960.000							169.339.960.000	
Tăng do trích từ lợi nhuận				14.298.454.088				14.298.454.088	
Lãi trong kỳ trước					636.924.897.856	186.422.608.696		823.347.506.552	
Tăng khác			169.463.914.000					169.463.914.000	
Trích quỹ từ lợi nhuận					(14.298.454.088)			(14.298.454.088)	
Chia cổ tức					(428.207.809.000)			(428.207.809.000)	
Giảm khác					(169.463.914.000)			(169.463.914.000)	
Số dư đầu kỳ này	2.588.678.490.000	45.104.200.000	267.073.275.300	100.083.241.646	1.024.776.286.192	2.276.156.920.634		6.301.872.413.772	
Tăng vốn trong kỳ này					475.463.677.442	96.893.590.266		572.357.267.708	
Lãi trong kỳ này				16.110.535.606				16.110.535.606	
Tăng do trích từ lợi nhuận						1.680.804.425	6.735.654.500	14.332.824.500	
Tăng khác			5.916.365.575					(21.856.144.563)	
Trích quỹ từ lợi nhuận					(21.856.144.563)			(8.105.952.086)	
Chia cổ tức					(8.105.952.086)			(2.602.438.616)	
Giảm khác					(2.602.438.616)			(2.602.438.616)	
Số dư cuối kỳ này	2.588.678.490.000	45.104.200.000	272.989.640.875	116.193.777.252	1.467.675.428.369	2.374.731.315.325	6.735.654.500	6.872.108.506.321	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020	%	01/01/2020	%
20 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	2.588.678.490.000	100,00%	2.588.678.490.000	100,00%
Cộng	2.588.678.490.000	100,00%	2.588.678.490.000	100,00%
20 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
	31/12/2020		01/01/2020	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Vốn góp đầu kỳ	2.588.678.490.000		2.419.338.530.000	
- Vốn góp tăng trong kỳ			169.339.960.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ				
- Vốn góp cuối kỳ	2.588.678.490.000		2.588.678.490.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			169.339.960.000	
20 . 4. Cổ phiếu	31/12/2020		01/01/2020	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành				
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	258.867.849		258.867.849	
- Cổ phiếu phổ thông	258.867.849		258.867.849	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
- Cổ phiếu phổ thông				
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	258.867.849		258.867.849	
- Cổ phiếu phổ thông	258.867.849		258.867.849	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu				
20 . 5. Cổ tức				
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán				
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông				
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi				
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận				
20 . 5. Các quỹ của Công ty	31/12/2020		01/01/2020	
Quỹ đầu tư phát triển	104.092.515.046		90.509.849.350	
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.824.545.613		2.560.610.658	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.276.716.593		7.012.781.638	
21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Ngoại tệ các loại	31/12/2020		01/01/2020	
- Dollar Mỹ (USD)	1.445.682,11		1.305.426,37	
- Bảng Anh (EUR)	4.947,92		4.969,75	
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00		14.860,00	
- Nhân dân tệ (CNY)	13.834,60		7.788,60	
- Yên Nhật (JPY)	1.957.934,00		1.567.664,00	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu cá xuất khẩu	2.828.313.961.780	3.501.140.058.938
Doanh thu bất động sản	570.429.058.126	793.840.447.052
Doanh thu cung cấp dịch vụ	203.647.965.071	253.079.986.156
Doanh thu xây dựng	209.101.378.248	138.538.314.009
Doanh thu thương mại	2.985.203.512.290	2.876.236.034.479
Doanh thu thức ăn cá	5.328.429.181.176	6.618.127.065.460
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	515.288.502.655	226.916.585.047
Doanh thu khác	931.006.645	1.961.201.750
Cộng	12.641.344.565.991	14.409.839.692.891

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
Chiết khấu thương mại	4.623.195.625	1.774.330.000
Giảm giá hàng bán	1.375.220.687	264.718.367
Hàng bán bị trả lại	110.732.337.822	184.027.303.419
Cộng	116.730.754.134	186.066.351.786

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn cá xuất khẩu	2.515.055.215.847	2.964.067.152.515
Giá vốn của bất động sản	230.145.169.222	468.062.311.566
Giá cung cấp dịch vụ	114.511.260.108	164.708.963.219
Giá vốn xây dựng	169.305.342.997	132.337.327.997
Giá vốn thương mại	2.894.489.342.795	2.749.925.964.743
Giá vốn thức ăn cá	5.085.557.574.487	6.321.127.889.125
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	131.848.485.639	51.308.724.323
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	47.749.427.886	12.535.220.999
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.555.000.000)	(10.992.791.428)
Giá vốn khác	1.089.389.463	1.947.544.150
Cộng	11.174.196.208.444	12.855.028.307.209

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	116.095.211.740	84.699.875.513
Lãi bán các khoản đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.349.347.164	21.328.388.309
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	92.915.893.207	89.499.194.990
Doanh thu hoạt động tài chính khác		6.425.302.000
Cộng	232.360.452.111	201.952.760.812

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền vay	518.022.543.070	253.532.957.320
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.075.827.393	3.536.652.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	12.274.293	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.233.046.066	17.412.439.541
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	65.724.346	
Hoàn nhập dự phòng		(784.045.478)
Chi phí tài chính khác	299.610.942	1.984.834.737
Cộng	534.709.026.110	275.682.838.120

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên, vật liệu	170.015.785	131.766.760
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.147.793.333	1.767.539.057
Chi phí nhân viên	40.905.125.566	53.038.042.356
Chi phí khấu hao	1.183.642.209	2.642.679.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.137.128.490	46.913.714.313
Chi phí vận chuyển hàng hoá	77.243.858.427	72.782.367.896
Thuế, phí, lệ phí	1.317.748.614	677.435.147
Các khoản chi phí QLDN khác	35.576.729.125	83.858.888.793
Cộng	199.682.041.549	261.812.433.412

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên, vật liệu		2.545.989
Chi phí nhân viên	84.464.565.260	85.843.020.461
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.182.663.824	16.037.315.381
Chi phí khấu hao	12.703.825.255	13.389.740.998
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(251.306.166)	10.471.583.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.635.055.778	24.240.115.578
Thuế, phí, lệ phí	1.304.763.177	800.556.787
Các khoản chi phí QLDN khác	96.516.018.104	76.179.786.739
Cộng	226.555.585.232	226.964.665.248

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.463.231.567	618.692.728
Lãi từ việc đánh lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty		
Tiền phạt thu được	5.053.917.448	557.573.881
Khoản tiền phạt hợp đồng tổng thầu EPC		79.661.873.644
Các khoản khác	2.588.105.788	10.059.354.832
Cộng	9.105.254.803	90.897.495.085

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	279.585.495	12.208.337
Các khoản bị phạt	2.280.961.233	14.181.255.247
Các khoản khác	4.070.667.819	11.202.421.999
Cộng	6.631.214.547	25.395.885.583

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.133.862.323.213	7.537.612.638.796
Chi phí nhân công	502.406.982.873	539.036.417.989
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	12.472.507.199	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.882.546.245	164.170.815.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.572.935.566	344.158.590.429
Chi phí khác bằng tiền	213.866.990.072	237.514.304.154
Cộng	6.617.064.285.168	8.822.492.766.803

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	50.424.485.373	43.991.472.933
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	(69.239.529)	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	50.355.245.844	43.991.472.933

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.592.929.337	4.400.487.945
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.592.929.337	4.400.487.945

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	475.463.677.442	636.924.897.856
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	258.867.849	253.857.242
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.837	2.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	475.463.677.442	636.924.897.856
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	129.400.000	
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	258.867.849	253.857.242
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.225	2.509

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và trong đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	Năm 2020	Năm 2019
	14.245.393.512.471	15.666.268.163.421

4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

	Năm 2020	Năm 2019
	12.866.613.417.157	12.964.881.649.235

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không có

03 . Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.464.200.000	1.445.000.000
Tiền lương	8.818.327.292	11.230.075.096



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

04. Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm 2020			Năm 2019				
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.051.856.958.143	8.178.986.459.117	293.770.394.597	12.524.613.811.857	4.109.484.380.617	9.870.268.324.471	244.020.636.017	14.223.773.341.105
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.051.856.958.143	8.178.986.459.117	293.770.394.597	12.524.613.811.857	4.109.484.380.617	9.870.268.324.471	244.020.636.017	14.223.773.341.105
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	563.940.351.952	619.572.136.473	166.905.114.988	1.350.417.603.413	335.719.025.470	966.548.067.205	66.477.941.221	1.368.745.033.896
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(426.237.626.781)				(488.777.098.660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				924.179.976.632				879.967.935.236
Doanh thu hoạt động tài chính				232.360.452.111				201.952.760.812
Chi phí tài chính				(534.709.026.110)				(275.682.838.120)
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết								
Thu nhập khác				9.105.254.803				90.897.495.085
Chi phí khác				(6.631.214.547)				(25.395.885.583)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(50.355.245.844)				(43.991.472.933)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(1.592.929.337)				(4.400.487.945)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				572.357.267.708				823.347.506.552
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(2.157.693.022.691)				(2.945.067.188.394)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				(291.287.520.557)				(213.115.015.078)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	31/12/2020				01/01/2020			
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	7.295.098.194.528	8.710.429.452.081	573.071.295.053	16.578.598.941.662	5.598.979.673.159	8.653.251.346.842	304.767.684.171	14.556.998.704.172
Tài sản không phân bổ				1.025.996.066.741				1.039.312.991.021
Tổng tài sản	7.295.098.194.528	8.710.429.452.081	573.071.295.053	17.604.595.008.403	5.598.979.673.159	8.653.251.346.842	304.767.684.171	15.596.311.695.193
Nợ phải trả bộ phận	5.306.360.064.187	4.423.429.060.370	604.610.953.054	10.334.400.077.611	4.110.977.628.658	4.317.351.097.066	686.753.260.590	9.115.081.986.314
Nợ phải trả không phân bổ				398.086.424.471				179.357.295.107
Tổng nợ phải trả	5.306.360.064.187	4.423.429.060.370	604.610.953.054	10.732.486.502.082	4.110.977.628.658	4.317.351.097.066	686.753.260.590	9.294.439.281.421

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiêu	Năm 2020				Năm 2019							
	Diện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng	Diện mặt trời	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	515.288.502.655	459.696.720.304	209.101.378.248	2.979.205.095.978	8.361.322.114.672	12.524.613.811.857	2.26.916.585.047	609.813.143.633	138.538.314.009	2.874.461.704.479	10.374.043.593.937	14.223.773.341.105
Tài sản bộ phận	4.918.346.858.484	1.942.648.578.717	217.981.146.502	559.923.747.705	9.965.814.035.047	17.604.714.366.455	3.241.756.299.104	1.365.875.301.754	402.158.408.741	802.186.729.304	9.784.334.956.290	15.596.311.695.193
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(2.157.693.022.691)						(2.945.067.188.394)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	783.217.339.870		822.987.169.585	
Phải thu khách hàng	1.440.262.277.327	(67.670.567.895)	1.402.608.381.286	(67.921.874.061)
Trả trước cho người bán	1.413.282.888.970		1.221.622.128.381	
Các khoản phải thu khác	442.255.951.974		481.755.501.606	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.140.307.114.085		657.885.346.447	
Đầu tư tài chính dài hạn	299.495.000.000	(1.560.299.574)	1.147.515.000.000	(1.560.299.574)
Cộng	5.518.820.572.226	(69.230.867.469)	5.734.373.527.305	(69.482.173.635)
			5.449.589.704.757	5.664.891.353.670
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.855.218.770.521		1.387.412.856.438	
Người mua trả tiền trước	103.929.507.890		313.882.115.348	
Vay và nợ	8.377.512.682.752		7.172.719.319.239	
Phải trả người lao động	52.257.345.266		47.708.504.774	
Trái phiếu chuyển đổi				
Các khoản phải trả khác	132.790.108.562		247.496.527.143	
Cộng	10.521.708.414.991		9.169.219.322.942	
			10.521.708.414.991	9.169.219.322.942

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	1.097.766.949.284	757.451.821.237		1.855.218.770.521
Người mua trả tiền trước	103.929.507.890			103.929.507.890
Vay và nợ	4.950.176.667.363	3.427.336.015.389		8.377.512.682.752
Trái phiếu chuyển đổi				
Chi phí phải trả	35.073.534.113			35.073.534.113
Các khoản phải trả phải nộp khác	131.470.108.562	1.320.000.000		132.790.108.562
Cộng	6.318.416.767.212	4.186.107.836.626		10.504.524.603.838

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.445.682	1.305.426
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	9.886.750	13.854.669
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(32.862.172)	3.445.351
Vay và nợ thuê tài chính	(43.923.798)	(55.184.398)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(65.453.538)	(36.578.952)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2020	01/01/2020
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(30.406.002.240)	(17.028.738.187)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	30.406.002.240	17.028.738.187

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

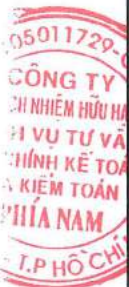
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi có kỳ hạn	1.052.545.000.000	1.436.627.100.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	220.000.000.000	185.000.000.000
Hàng tồn kho	1.986.927.719.907	1.539.629.547.623
Tài sản cố định hữu hình	4.336.049.762.782	1.944.303.853.425
Quyền sử dụng đất	248.769.365.184	569.534.919.462
Cổ phiếu	322.340.254.950	288.384.503.650
Bất động sản đầu tư	230.798.577.065	186.035.842.743

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2019 kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

TRẦN BẢO ĐÔNG

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TÔ NGÂN

Thay mặt Ban Tổng giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



LÊ THỊ PHƯỢNG